

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2025

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 15/12/2007, sửa đổi bổ sung tháng 05/10/2022;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 07 tháng 03 năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và định hướng nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, với **13.749.401** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành. Với các chỉ tiêu chính:

- Sản lượng sản xuất thép cán đạt 94.847 tấn/ Kế hoạch 97.000 tấn, đạt 99,95%
- Sản lượng tiêu thụ 95.775 tấn/ Kế hoạch 97.000 tấn, đạt 98,74 %
- Doanh thu: 1.391,432 tỷ đồng, đạt 96,16 % kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: 2,953 tỷ đồng

Điều 2. Thông qua Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động Công ty trong năm 2024, với **13.749.401** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Công ty, với **13.749.401** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 4. Thông qua quyết toán thực hiện tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT và BKS năm 2024. Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2025. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT xem xét quyết định với **13.749.401** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2024 với **13.749.401** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành:

Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng (16% LNST năm 2024): 310.000.000 đồng

Trích Quỹ đầu tư phát triển: 4.647.012.932 đồng

Điều 6. Thống nhất với Tờ trình về kế hoạch SXKD - Tài chính và Đầu tư năm 2025, với **13.749.401** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

6.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

- Sản xuất: 110.000 tấn thép cán
- Tiêu thụ: 110.000 tấn thép cán

6.2. Kế hoạch tài chính

- Doanh thu: 1.602 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 05 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 04 tỷ đồng;
- Tỷ suất LNST/Vốn CSH: 2,3%
- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản: 1,1%
- Dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt: 0%

6.3 Kế hoạch đầu tư phát triển, mua sắm nâng cấp TSCĐ năm 2025:

STT	Tên dự án, thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
I	Dự án đầu tư phát triển (chuyển tiếp)	Tr đồng	450.000	
1	<i>Đầu tư sản xuất thép cán xây dựng - Bổ sung công đoạn luyện phôi thép cs 150.000 tấn sp/năm</i>	Tr đồng	450.000	
II	Dự án đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ	Tr đồng	17.100	
1	<i>Máy cắt đầu Block</i>	Tr. đồng	3.600	
2	<i>Cụm thiết bị gia nhiệt phôi</i>	Tr. đồng	13.500	
TỔNG		Tr. đồng	467.100	

Tổng mức đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ: 467,10 tỷ đồng.

Điều 7. Thông qua một số Tờ trình khác.

7.1. Tờ trình ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc ký hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan, với **13.749.401** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Hợp đồng mua bán có giá trị hợp đồng (bao gồm cả dư nợ tín chấp) bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi nhận tại báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan: Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam, Công ty cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL, Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí TP.HCM – VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam.

7.2. Tờ trình ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, với **13.749.401** tổng số phiếu biểu quyết tán thành

- + Hạn mức tín chấp bán hàng: 150 tỷ đồng đối với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL.
- + Hạn mức tín chấp bán hàng: 2,5 triệu USD đối với Chip Mong Group Co., Ltd-Campuchia.

Điều 8 . Thông qua Tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2025, Đại hội thống nhất lựa chọn một trong những công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị trong năm 2025 với **13.749.401** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 9. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 với **13.749.401** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành:

Trích Quỹ phúc lợi, khen thưởng NLĐ (25% LNST năm 2025): 1.000.000.000 đồng
Trích Quỹ đầu tư phát triển: 4.130.000.000 đồng

Điều 10. Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị công ty:

Miễn nhiệm ông Lê Việt và bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị công ty ông Dương Trung Toàn với **13.749.401** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 11. Đại hội nhất trí giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm cụ thể hoá Nghị quyết của Đại hội, lập ra chương trình hành động phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 12. Giao cho Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội, đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 07/03/2025./.

Nơi nhận:

- Cổ đông TNB;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT, Người PTQT công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH



Phạm Công Dũng



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL
Ngày 07 tháng 03 năm 2025

1. PHẦN NGHI THỨC

- | | |
|---------------|---|
| 8h00' – 8h30' | ▪ Đón tiếp cổ đông |
| 8h30' – 8h35' | ▪ Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu |
| 8h35' – 8h40' | ▪ Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội |
| 8h40' – 8h45' | ▪ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty khai mạc Đại hội, thông qua danh sách đoàn Chủ tịch, chỉ định thư ký Đại hội |

2. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- | | |
|-----------------|--|
| 8h45' – 9h00' | ▪ Thông qua chương trình nghị sự, Quy chế Đại hội |
| 9h00' – 9h15' | ▪ Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025 |
| 9h15' – 9h30' | ▪ Báo cáo của Ban Kiểm soát |
| 9h30' – 10h00' | ▪ Báo cáo Đại hội các tờ trình về thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán), thù lao HĐQT & BKS, phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch SXKD - Tài chính – Đầu tư năm 2025, Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan, Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2025, Nhân sự Hội đồng quản trị, Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025. |
| 10h00' – 10h15' | ▪ Giải lao, buffet trà-cà phê |
| 10h15' – 10h40' | ▪ Thảo luận, chất vấn và giải đáp |
| 10h40' – 11h00' | ▪ Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình của Đại hội |
| 11h00' – 11h15' | ▪ Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội |
| 11h15' – 11h25' | ▪ Thông qua biên bản Đại hội |
| 11h30' | ▪ Tổng kết và Bế mạc Đại hội |

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: 21 /TNB-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và đúng Điều lệ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng khu vực do Ban tổ chức quy định, không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong phòng họp Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động nên để chế độ rung, khi cần thực hiện cuộc gọi thì vui lòng ra khỏi phòng họp.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của cổ đông.

- Cổ đông hoặc đại diện sở hữu được cấp Thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

2. Cách biểu quyết: Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết thông qua một vấn đề gì, các cổ đông đồng ý thông qua thì sẽ thực hiện giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội.

3. Thẻ lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

- Theo Khoản 1, Điều 21 Điều lệ công ty quy định, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp có quyền biểu quyết chấp thuận.

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

- Khoản 2, Điều 21 Điều lệ công ty quy định, các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

- Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.

- Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

1. Xác định kết quả bầu cử, biểu quyết của cổ đông về các vấn đề tại Đại hội.

2. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

VII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL. Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông NBS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Công Dũng

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KẾT QUẢ SẢN XUẤT
KINH DOANH 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2025

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Phân công nhiệm vụ các thành viên

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên và được phân công như sau:

- Ông Lê Việt - Chủ tịch chuyên trách HĐQT, chịu trách nhiệm chung và xây dựng các chính sách phát triển cho Công ty, đã miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 17/01/2025.

- Ông Nguyễn Minh Tính - Tổng giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển tài sản của Công ty.

- Ông Nguyễn Hữu Khánh – Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật, chính sách chất lượng, tham gia xây dựng kế hoạch trung và dài hạn.

- Ông Phạm Công Dũng – Thành viên không điều hành, Chánh Văn phòng Tổng công ty, chịu trách nhiệm phối hợp giữa HĐQT Công ty với các ban chuyên môn Tổng Công ty Thép Việt Nam. Ông Phạm Công Dũng được bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng trị Công ty theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 17/01/2025.

- Bà Nguyễn Thúy Ly - Thành viên không điều hành cùng tham gia việc xây dựng kế hoạch trung và dài hạn của công ty.

1.2. Ban hành các quy chế hoạt động

Trong năm Hội đồng quản trị đã sửa đổi bổ sung Quy chế bán sản phẩm thép.

1.3. Các cuộc họp HĐQT

- Từ đại hội cổ đông thường niên tháng 03/2024 và đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 07/2024 đến nay, Hội đồng quản trị đã trải qua 4 cuộc họp định kỳ với các nội dung: kiểm điểm đánh giá kết quả SX-KD các quý trong năm 2024, thông qua các quy chế, các giải pháp về quản trị công ty.

- Các cuộc họp HĐQT được tiến hành đúng thủ tục, đảm bảo chất lượng làm việc và ra nghị quyết để tổ chức thực hiện.

1.4. Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của HĐQT

Trên nguyên tắc luôn coi trọng lợi ích của công ty, lợi ích các cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của người lao động, mặc dù còn những hạn chế về chiến lược kinh doanh-tiếp thị, chiến lược đầu tư, ...do điều kiện đặc thù của Công ty, Hội đồng quản trị đã có nhiều nỗ lực để lãnh đạo công ty vượt qua khó khăn.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG 2024

2.1. Tình hình chung

- Năm 2024 là một năm nhiều sóng gió và khó khăn của kinh tế thế giới khi phải đối mặt với một loạt thách thức, sụt giảm tăng trưởng, nợ xấu gia tăng, đầu tư ảm đạm, cùng những hệ lụy không mong muốn của bất ổn địa chính trị, cuộc chiến Nga - Ukraine leo thang; xung đột Israel – Hamas bùng phát.

- Thị trường thép thế giới đối mặt với nhiều vấn đề kinh tế vĩ mô liên quan đến lạm phát, suy giảm kinh tế, các nguy cơ khủng hoảng tài chính toàn cầu tác động mạnh đến cung cầu thép trên toàn thế giới, biến động không ổn định. Nhu cầu từ các thị trường lớn trên toàn cầu tiếp tục suy giảm, mặc dù suy yếu trong thời gian dài thị trường thép toàn cầu vẫn chưa có nhiều tín hiệu khởi sắc.

- Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp. Những nỗ lực của Chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì lãi suất hợp lý và thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nền kinh tế Việt Nam đã có phần cải thiện, tuy nhiên chưa được như mong đợi.

- Thị trường trong nước vẫn mang yếu tố cung vượt xa cầu, các thương hiệu cạnh tranh gay gắt để giữ thị phần trong cả lĩnh vực công trình và dân dụng. Thị trường bất động sản giảm sút, các hạng mục đầu tư công chậm triển khai. Khi các ngân hàng đồng loạt tăng lãi suất cho vay và siết tín dụng, chi phí lãi vay tăng làm giảm hiệu quả kinh doanh và nhu cầu thép xây dựng giảm mạnh.

- Thị trường xuất khẩu Campuchia tiêu thụ chậm và chịu nhiều sức ép khi giá Thép Trung Quốc và Đông Nam Á tiếp tục chào giá thành phẩm giảm sâu. Thép vẫn thương hiệu Thép Miền Nam /V/ bị cạnh tranh mạnh về giá xuất khẩu với Hòa Phát, Tây Đô,...

2.1.1. Thuận lợi

- Luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ chỉ đạo sát sao và đúng hướng của lãnh đạo Tổng công ty, cùng sự hỗ trợ tích cực của các Ban chức năng Tổng công ty và sự hỗ trợ phối hợp của các đơn vị trong hệ thống thép /V/ trong việc cung cấp nguồn phôi và tiêu thụ sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn.

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết, đồng thuận, năng động sáng tạo, vượt khó bằng mọi giải pháp để tăng sản lượng tiêu thụ, giảm chi phí, giữ đội ngũ lao động ổn định.

- Hệ thống quản trị trong sản xuất phát huy hiệu quả góp phần kiểm soát được công nghệ, kiểm soát chất lượng với tỷ trọng sản phẩm lỗi, sản phẩm có bề mặt xấu, nhám... giảm dần, chất lượng hình thức đóng bó được cải thiện, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu sản phẩm thép /V/ trên thị trường.

2.1.2. Khó khăn

- Các sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn và thép góc đều được sản xuất trên cùng dàn cán Pomini do đó phải đối mặt hàng nhiều, ảnh hưởng đến năng suất và hiệu suất sử dụng thiết bị, công tác điều độ gặp nhiều khó khăn. Công ty không chủ động được nguồn nguyên liệu phôi thép, lợi nhuận của Công ty phụ thuộc lớn vào sự chênh lệch giữa giá phôi thép và giá bán thép thành phẩm. Sản phẩm thép /v/ trên thị trường bị cạnh tranh mạnh về giá bán và chi phí sản xuất.

- Sản phẩm thép góc là chủng loại cỡ nhỏ mặc dù có uy tín chất lượng nhưng bị hạn chế khi tham gia đơn hàng công trình, bị cạnh tranh mạnh từ các sản phẩm cùng loại có chất lượng kém hơn với giá rẻ, bị dần thay thế trong dân dụng bởi các sản phẩm thép hộp...vì vậy khó mở rộng thị phần để tăng sản lượng.

- Sản xuất với sản lượng thấp, chỉ đạt 65% đến 70% công suất dây chuyền cán, thời gian giãn, dừng sản xuất nhiều, làm tăng chi phí giá thành sản phẩm, tăng các chỉ tiêu tiêu hao, ảnh hưởng nhiều đến chỉ tiêu lợi nhuận, cùng với năng suất lao động trên người giảm nên thu nhập thấp, tác động rất nhiều đến công tác tuyển dụng, giữ chân lao động nhất là lao động trẻ, lao động có tay nghề.

- Năng lực tài chính của Công ty hạn chế, nguồn vốn lưu động phục vụ nhu cầu mua nguyên liệu phối thép chủ yếu là vốn vay ngân hàng. Đặc biệt trong những tháng tiêu thụ thấp, rất khó khăn cho các khoản vay nợ ngắn hạn.

2.2. Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2024

2.2.1. Kế hoạch

- Sản xuất - tiêu thụ: 97.000 tấn thép cán
- Doanh thu: 1.477 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 3 tỷ đồng

2.2.2. Kết quả thực hiện

- Sản xuất đạt 94.847 tấn, đạt 97,78% so với kế hoạch và bằng 99,95% so cùng kỳ. Trong đó:.

+ Sản xuất thép góc đạt 30.254 tấn, tăng 26,06 % so kế hoạch 2024, tăng 11,2% so cùng kỳ.

+ Sản xuất thép vằn đạt 55.732 tấn, bằng 91,37% so kế hoạch 2024, bằng 95,77% so cùng kỳ.

+ Sản xuất thép cuộn đạt 8.861 tấn (SX: 7.855 tấn; gia công 1.006 tấn), bằng 73,84% so kế hoạch 2024, bằng 93,30% so cùng kỳ.

- Tiêu thụ đạt 95.775 tấn, đạt 98,74% so kế hoạch và tăng 0,17% so cùng kỳ. Trong đó:

+ Tiêu thụ thép góc đạt 31.050 tấn (xuất khẩu: 15.356 tấn; nội địa: 15.694 tấn), tăng 29,38% so kế hoạch 2024, tăng 14,43% so cùng kỳ.

+ Tiêu thụ thép vằn đạt 56.220 tấn (xuất khẩu 16.400 tấn; nội địa 39.820 tấn), bằng 92,16% so kế hoạch 2024, bằng 94,11% so cùng kỳ.

+ Tiêu thụ thép cuộn đạt 8.504 tấn, đạt 70,88% so kế hoạch, bằng 97,3% so cùng kỳ.

- Doanh thu thuần đạt: 1.391,432 tỷ đồng, bằng 96,16% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế: 2,953 tỷ đồng.

- Tiền lương:

+ Tổng quỹ lương của người lao động: 28.505,040 triệu đồng

- + Tổng quỹ lương của người quản lý chuyên trách: 2.140,03 triệu đồng
- + Tổng quỹ thù lao của thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách: 174 triệu đồng.

2.3. Những nội dung đã thực hiện

2.3.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

(Xin mời tham khảo các bản phụ lục 01, 02 của báo cáo)

2.3.2. Các hoạt động khác

2.3.2.1. Về tài chính doanh nghiệp: thực hiện tốt các quy định về tài chính kế toán trong hoạt động SXKD và quy chế tài chính của Công ty, thường xuyên cải tiến các giải pháp tăng hiệu quả sử dụng vốn. Thực hiện đầy đủ việc nộp thuế, nộp ngân sách Nhà nước, quản lý tốt công nợ, không phát sinh nợ xấu nợ khó đòi. Thực hiện tốt việc báo cáo tài chính định kỳ, kiểm kê, kiểm toán, kịp thời khắc phục các thiếu sót sau kiểm tra kiểm toán.

2.3.2.2. Về hoạt động đầu tư mua sắm – sửa chữa nâng cấp TSCĐ

+ Đầu tư mua sắm bổ sung nâng cấp TSCĐ:

* Xe ô tô 5 chỗ ngồi phục vụ SXKD: Đã hoàn thành

* Cụm đếm tách thép thanh: Đã hoàn thành lắp đặt. Đang phối hợp với nhà cung cấp cài đặt, chạy thử nghiệm thu đưa vào sử dụng

+ Sửa chữa lớn thiết bị:

* Hoàn thành: 4/5 hạng mục

* Đang thực hiện: 1/5 hạng mục

+ Xây dựng cơ bản:

* Hoàn thành: 4/4 hạng mục

STT	Tên hạng mục	Dự toán được duyệt (Tr đ)	Quyết toán (Tr đ)	Ghi chú
Đầu tư mua sắm bổ sung nâng cấp TSCĐ				
1	Cụm đếm tách thép thanh	2.254,5	2.249,7	Đã hoàn thành lắp đặt. đang chạy thử nghiệm thu
2	Xe ô tô 5 chỗ	1.600	1.568	Đã hoàn thành
Sửa chữa lớn thiết bị				
1	Bộ giá đỡ cardant Cán thô	190.000.000		Đang thực hiện (DT: 155.336.990 đ)

2	Xe nâng hàng Deawoo D70S	150.000.000	135.350.000	Đã hoàn thành
3	Sửa chữa máy CNC	230.000.000	199.800.000	Đã hoàn thành
4	Sửa chữa giàn con lăn K8	50.000.000	35.757.188	Đã hoàn thành
Sửa chữa lớn XDCB				
1	Sửa chữa thường xuyên	300.000.000	290.066.286	Đã hoàn thành
2	Cải tạo, căn chỉnh dầm ray cầu trục gian CD	450.000.000	385.220.000	Đã hoàn thành
3	Sửa chữa mái nhà xưởng gia công cơ khí	250.000.000	195.306.509	Đã hoàn thành
4	Cải tạo nâng cấp nhà tắm công nhân	180.000.000	165.674.307	Đã hoàn thành

2.3.2.3. Về dự án đầu tư sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn sản phẩm/năm:

+ Kết quả và kế hoạch thực hiện:

- Các công tác đã thực hiện giai đoạn chuẩn bị cho dự án: Cấp Giấy phép môi trường – tháng 8/2023. Phê duyệt BCNCKT – tháng 5/2024. Phê duyệt KHLCNT – tháng 8/2024. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty Thép Việt Nam; Điều chỉnh GCN ĐKĐT tháng 10/2024; Quy hoạch đấu nối và thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kv cho trạm biến áp 40MVA;

- Các công tác đã triển khai trong giai đoạn thực hiện : Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và tổ chức triển khai thực hiện các gói thầu tư vấn (gói 15 – Thiết kế điện, gói 16 – Thiết kế xây dựng, gói 23 – Thẩm tra Tk xây dựng, gói 24 – Thẩm tra tk điện) từ tháng 10/2024; Khoan khảo sát địa chất bổ sung – tháng 01/2025; Tổ chức triển khai lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1 – Thiết bị chính xưởng luyện thép từ tháng 12/2024;

- Các công tác chuẩn bị theo kế hoạch: Hoàn thành thủ tục đấu nối nguồn điện 110kv; Ký kết hợp đồng tín dụng đối với nguồn vốn vay thương mại; Thực hiện thủ tục xin cấp phép xây dựng; Tổ chức đấu thầu và triển khai hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt.

- Giá trị thực hiện giải ngân: 2.457 triệu đồng

+ Về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 81/NQ/ĐHĐCĐ ngày 29/07/2024, công ty đã thực hiện các nội dung công việc:

- Nộp hồ sơ phát hành cho UBCK: ngày 05/8/2024
- Hoàn thành và gửi hồ sơ tài liệu giải trình bổ sung lần 5 ngày 09/12/2024.
- UBCKNN đã chấp thuận hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ ngày 07/01/2025

- Đã gửi thông báo cho Tổng Công ty Thép VN về việc nộp tiền mua cổ phần chào bán riêng lẻ: từ ngày 15/01/2025 đến ngày 06/04/2025.

2.3.2.4. Về công tác Kỹ thuật cơ điện an toàn và chất lượng sản phẩm:

+ Thiết bị máy cán được duy trì sản xuất ổn định. Duy trì việc triển khai các phương án quản trị sản xuất, phương án quản trị thiết bị nâng cao hiệu quả quản lý, nâng cao ý thức tiết kiệm trong sản xuất, nâng cao hệ số sử dụng thiết bị, năng suất cán bình quân duy trì ổn định.

+ Khai thác hiệu quả các hạng mục đầu tư góp phần cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, nâng cao năng suất lao động.

+ Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001/2015 được vận hành ổn định. Công tác quản trị chất lượng sản phẩm luôn được chú trọng và duy trì thực hiện đúng các quy định, từ nguồn phôi đầu vào đến các công đoạn trong sản xuất (như ổn định bazem, chất lượng bề mặt, đóng gói sản phẩm...vv) góp phần đảm bảo CLSP trước khi ra thị trường. Trong năm qua việc đẩy mạnh khai thác các ứng dụng công nghệ vào trong quản trị chất lượng sản phẩm đã góp phần nâng cao sự chính xác về số liệu và tính cập nhật, phục vụ tốt cho công tác quản lý thành phẩm và bán hàng. Các bộ phận QLCL - KHKD - PX Cán luôn có sự phối hợp tốt trong công tác này, việc xử lý kịp thời và thỏa đáng những thông tin phản hồi từ khách hàng, góp phần mang lại sự tin tưởng của khách hàng với thương hiệu Thép Miền Nam /V/. - Tuy nhiên, trong năm vẫn còn 06 khiếu nại khách hàng: thép góc 50x50x3 – gợn sóng; 50x50x4 - lệch cạnh; 50x50x6; 75x75x6 - cong vênh; 30x30x3, 50x50x5 lần thép ngắn trong bó. Tất cả khiếu nại đã được xử lý đúng quy trình, kịp thời và thỏa đáng.

2.3.2.5. Công tác tổ chức lao động và quản trị văn phòng

- Lao động đầu năm 151, cuối năm 150 người. Bình quân năm 152 người.
- Tổ chức sắp xếp lại lao động, tinh giảm bộ máy, giải quyết thôi việc: 15, hưu trí 07, tuyển dụng bổ sung 21 lao động.
- Duy trì việc trả lương sản phẩm theo năng suất chất lượng và hiệu quả SXKD. Thu nhập bình quân năm đạt 16,27 triệu đồng/người/tháng.
- Rà soát tổ chức sắp xếp lao động phù hợp yêu cầu của sản xuất kinh doanh, công tác tuyển dụng lao động kỹ thuật khó khăn, bằng các chính sách đã giữ chân đội ngũ lao động ổn định. Các chế độ chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, trợ cấp, hưu trí,... được thực hiện đúng pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- Công tác bảo vệ an ninh trật tự - an toàn doanh nghiệp được quan tâm chu đáo, lực lượng bảo vệ chuyên trách, tự vệ và PCCC của Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, phát huy vai trò của mạng lưới bảo vệ quần chúng ngăn chặn các vụ việc tiêu cực trong đơn vị, bảo vệ an toàn tuyệt đối tài sản, thiết bị và trật tự an ninh trong địa bàn nhất là vào các dịp lễ, Tết. Giữ mối quan hệ công tác chặt chẽ với các cơ quan công an, quân sự và chính quyền địa phương trong phong trào xây dựng địa bàn an toàn.
- Thực hiện công tác đào tạo chuyên đề, đào tạo kèm cặp, đào tạo nâng cao cho cán bộ quản lý lãnh đạo đơn vị. Trong năm Công ty đã có 291 lượt người tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ, ATLĐ, quản trị chất lượng toàn diện,... nâng bậc lương cho 24 lao động, đã có tác dụng thiết thực phục vụ cho hoạt động của Công ty.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định của công ty phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành, cũng như các quy định của Tổng Công ty tạo hành lang pháp lý trong hoạt động SXKD.

- Triển khai các phần mềm ứng dụng đảm bảo hoạt động điều hành của Lãnh đạo công ty, công tác sản xuất, bán hàng được xuyên suốt.

- Tiếp tục duy trì ứng dụng các phần mềm trong công tác quản lý, đã mang lại hiệu quả nhất định.

- Hoàn thành đưa vào sử dụng Cụm đóng bó thép góc và Cụm máy đếm tách thép thanh, giúp tăng cường hiệu quả sản xuất và giảm nguồn lực lao động.

- Hoạt động phân tích tài chính và định mức chi phí hàng tháng được duy trì giúp kiểm soát chi phí và tăng cường hơn nữa công tác tiết kiệm, chống lãng phí, tạo ý thức cho người lao động, đặc biệt là kiểm soát chỉ tiêu tiêu hao điện, gas, phôi.

- Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, kết quả trong năm đã có 18 sáng kiến, giải pháp đã được công nhận.

- Chú trọng công tác quản lý đất đai công ty được giao và thuê, triển khai công tác đầu tư Dự án luyện thép để khai thác quỹ đất còn dư nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Xây dựng các phương án quản trị thiết bị, quản trị sản xuất, phương án về cấu trúc của Công ty khi Dự án bổ sung công đoạn luyện thép đi vào hoạt động.

2.4. Những tồn tại

- Công tác nghiên cứu, nhận định thị trường, điều độ sản xuất, tối ưu hóa sản lượng tồn kho chưa hiệu quả, chưa tận dụng được cơ hội của thị trường để gia tăng lợi nhuận cho công ty.

- Trong công nghệ và quản lý thiết bị: khả năng dự báo hư hỏng, chất lượng sửa chữa bảo trì bảo dưỡng thiết bị chưa tốt, sự phối hợp giữa các bộ phận chưa thật đồng bộ, chưa tuân thủ nghiêm túc phương án, quy định, quy trình trong quản trị sản xuất.

- Công tác quản lý CLSP đã có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, trong năm xảy ra sáu khiếu nại khách hàng, việc triển khai thực hiện quản trị chất lượng phần nào vẫn còn hạn chế, barem sản xuất chưa ổn định, một số vấn đề về sản phẩm góc bị cong vênh.

- Công tác tuyển dụng thu hút lao động có trình độ chuyên môn và lao động kỹ thuật tại địa bàn Nhơn Trạch khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu của Công ty. Công tác đào tạo chưa theo kịp yêu cầu phần do điều kiện học tập bị hạn chế do điều kiện làm việc và đi lại, công tác đào tạo kèm cặp nhân lực trực tiếp sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu.

- Công tác triển khai xây dựng và áp dụng một số phương án quản trị, chương trình hành động còn chậm, mang tính nghiệp vụ, chưa tạo ra sự đổi mới, đột phá và hiệu quả chưa cao.

- Công tác chuyển trụ sở chính về Nhơn Trạch, Đồng Nai chưa hoàn thành, do đang chờ Cục thuế ra quyết định quyết toán thuế.

3. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2025

3.1. Nhận định tình hình thị trường

- Nhu cầu thép trên thế giới và nội địa chưa phục hồi hoàn toàn, ngành thép tiếp tục gặp khó khăn.

- Để giảm nguồn cung trong nước dư thừa, Trung Quốc sẽ đẩy mạnh xuất khẩu với giá rẻ gây khó khăn cho các công ty sản xuất nội địa.

- Tiêu thụ thép nội địa được kỳ vọng phục hồi, khi thị trường BĐS phục hồi tốt, đầu tư công được đẩy mạnh. Tuy nhiên, ngành thép tiếp tục gặp khó khăn khi giá nguyên vật liệu, giá năng lượng đầu vào tăng cao làm tăng chi phí sản xuất, trong khi giá bán cạnh tranh khốc liệt hơn nên khó mang lại hiệu quả trong SXKD.

3.2. Tình hình Công ty cổ phần Thép Nhà Bè -VNSTEEL (TNB)

Với tình hình thị trường trong và ngoài nước ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, là đơn vị thuần cán (chưa có khâu nấu luyện phôi thép) TNB nhận định các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các Chỉ tiêu thực hiện năm 2025 như sau:

- Phôi thép: Do không chủ động được nguồn phôi nên sẽ rủi ro khi giá biến động.
- Tiêu thụ giảm, tồn kho cao, các ngân hàng giảm hạn mức vay, trong khi công ty 100% vốn đi vay, ảnh hưởng đến nguồn vốn cho Công ty.
- Sản lượng tiêu thụ thép vằn, cuộn /V/ tại TNB trong năm 2025 có cải thiện so với 2024 nhưng sẽ không tăng cao, do thị phần Thép Miền Nam /V/ đang bị thu hẹp, cạnh tranh mạnh về giá bán giữa thương hiệu thép /V/ và các thương hiệu khác như: thép Hòa Phát, VAS,..Thép /V/ sẽ tăng lượng nhưng phải tiếp tục giảm giá bán thu hẹp gap giá để cạnh tranh ra hàng, nên hiệu quả lợi nhuận ở phân khúc dân dụng SD295/CB300V tiếp tục gặp khó khăn.
- Sản lượng tiêu thụ thép góc nội địa và xuất khẩu tiếp tục gặp khó khăn, các công trình chậm phục hồi, cạnh tranh gay gắt giữa các nhà sản xuất trong nước và thép góc từ Trung Quốc.
- Sản lượng sản xuất sụt giảm làm ảnh hưởng thu nhập của người lao động, nguy cơ người lao động có kinh nghiệm, tay nghề cao nghỉ việc và khó tuyển dụng thay thế.

3.3. Xây dựng kế hoạch năm 2025

Trước những nhận định trên, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2024 của Công ty và tình trạng của thiết bị - công nghệ - các chiến thuật, giải pháp áp dụng mang lại hiệu quả cao trong sản xuất – kinh doanh sẽ tiếp tục được áp dụng và cải tiến với mục tiêu sản xuất hết công suất, nâng cao hiệu suất thiết bị, đảm bảo đời sống và nâng cao thu nhập cho người lao động. Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh – Tài chính và Đầu tư cho năm 2025 như sau:

3.3.1. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh – Tài chính và Đầu tư

- Sản xuất	110.000 tấn thép cán
- Tiêu thụ:	110.000 tấn thép cán
- Doanh thu thuần:	1.601,745 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	05 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế:	04 tỷ đồng
- Tỷ suất LNST/ Vốn CSH:	2,3%
- Tỷ suất LNST/ Tổng tài sản:	1,1%

- Thu nhập bình quân của người lao động: phần đầu đạt trên 16,5 triệu đồng/ người/ tháng

3.3.2. Kế hoạch đầu tư phát triển, mua sắm, nâng cấp TSCĐ

3.3.2.1 Kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ

STT	Tên dự án, thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
I	Dự án đầu tư phát triển (chuyển tiếp)	Tr đồng	450.000	
1	Đầu tư sản xuất thép cán xây dựng - Bổ sung công đoạn luyện phôi thép cs 150.000 tấn sp/năm	Tr đồng	450.000	
II	Dự án đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ	Tr đồng	17.100	
1	Máy cắt đầu Block	Tr. đồng	3.600	
2	Cụm thiết bị gia nhiệt phôi	Tr. đồng	13.500	
TỔNG		Tr. đồng	467.100	

Tổng mức đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ: 467,1 tỷ đồng

3.3.2.2 Kế hoạch về đầu tư sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn sản phẩm/năm

- Hoàn thành thủ tục đấu nối nguồn điện 110kv;
- Ký kết hợp đồng tín dụng đối với nguồn vốn vay thương mại;
- Thực hiện thủ tục xin cấp phép xây dựng;
- Tổ chức đấu thầu và triển khai hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt.

- Thực hiện các công tác tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định

3.3.2.3 Kế hoạch về chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư

- Ngày 07/01/2025, UBCKNN đã ban hành công văn số 106/UBCK-QLCB về việc nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Thép Nhà Bè.

- Trên cơ sở đó, ngày 10/01/2025, HĐQT đã thông qua Nghị quyết HĐQT về việc thông qua Nghị quyết HĐQT về việc thông qua thời gian chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư từ ngày 15/01/2025 đến ngày 06/04/2025.

- Theo đó, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (Nhà đầu tư hoàn tất việc nộp tiền theo quy định), Công ty sẽ thực hiện việc báo cáo kết quả chào bán và gửi hồ sơ về UBCKNN theo đúng quy định pháp luật.

- Sau khi UBCKNN có công văn về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty, Công ty sẽ tiếp tục các thủ tục cần thiết để thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung và các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật.

Hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ tập trung lãnh đạo chỉ đạo vào các vấn đề sau:

3.4. Các mặt công tác

3.4.1. Công tác pháp lý

- Tiếp tục bổ sung, cập nhật và hoàn thiện các văn bản pháp lý của Công ty theo các bộ luật mới bổ sung sửa đổi.
- Thường xuyên đổi mới, cập nhật chính sách kinh doanh của Công ty linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của đơn vị và nhu cầu của thị trường.
- Theo dõi, nắm bắt kịp thời các chính sách của Nhà nước (TW và địa phương), của Ngành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phương hướng hoạt động của đơn vị, nhất là các vấn đề liên quan đến hội nhập quốc tế.

3.4.2. Phát triển sản phẩm

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty đối với sản phẩm thép góc, củng cố và phát triển thị phần của Công ty trên thị trường trong nước và tăng cường xuất khẩu sản phẩm sang thị trường khu vực.
- Chú trọng phát triển thêm các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao của thép hình.

3.4.3. Công tác tài chính và đầu tư

- Đẩy mạnh việc tiết kiệm các chi phí sản xuất, tăng vòng quay vốn, không để phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi. Thực hiện tốt các quy định về tài chính kế toán trong hoạt động SXKD và quy chế tài chính của Công ty.
- Phát huy vai trò giám sát chi phí, giá thành. Thực hiện cập nhật thống kê kịp thời số liệu chi phí, giá thành, phân tích tài chính, chi phí bán hàng theo tháng để tham mưu cho lãnh đạo có biện pháp tổ chức sản xuất kinh doanh đạt mục tiêu đề ra.
- Định kỳ hàng tháng thực hiện việc phân tích tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn công ty, tích cực tìm kiếm các nguồn vốn vay lãi suất hợp lý và có các biện pháp tiết giảm chi phí giá thành, thường xuyên cải tiến các giải pháp tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Thực hiện đầy đủ việc nộp thuế, nộp ngân sách Nhà nước, quản lý tốt công nợ, không phát sinh nợ xấu nợ khó đòi. Thực hiện đầy đủ, đúng hạn việc báo cáo tài chính định kỳ, kiểm kê, kiểm toán, kịp thời khắc phục các thiếu sót sau kiểm tra kiểm toán.
- Đưa các dự án đầu tư mới vào hoạt động ổn định, khai thác tối đa hiệu quả các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.
- Cập nhật những qui định mới trong công tác đầu tư XD CB để triển khai các hạng mục đầu tư tuân thủ theo đúng qui định.
- Triển khai các hạng mục đầu tư mua sắm trong năm 2025 theo đúng kế hoạch, tuân thủ các quy định hiện hành.
- Tập trung mọi nguồn lực triển khai dự án đầu tư bổ sung công đoạn luyện thép đảm bảo an toàn lao động, đúng tiến độ và tuân thủ quy định pháp luật. Xây dựng các phương án: tổ chức thực hiện dự án luyện thép, nguồn vốn, nguyên liệu, cơ cấu tổ chức, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

3.5. Các giải pháp chủ yếu năm 2025

3.5.1. Các chương trình và trọng tâm thực hiện năm 2025

- Xây dựng phương án dài hạn và hệ thống các giải pháp để từng bước nâng dần sản lượng tiêu thụ đưa khả năng sản xuất công ty tiệm cận với công suất thiết bị để cải thiện chi phí sản xuất/tấn sản phẩm trong môi trường cạnh tranh với các nhà sản xuất lớn có lợi thế về công nghệ, sản xuất phối. Bao gồm các giải pháp lớn: Cơ cấu sản phẩm, khai thác gia công, thay đổi cơ cấu tiêu thụ: nâng sản lượng thép góc, cải thiện mở rộng thị trường nội địa tiêu thụ tăng sản phẩm thép cây, thép cuộn. Tổ chức chặt chẽ phân bổ thời gian sản xuất, hợp lý hóa thay đổi mặt hàng, tính toán giá thành thực tế từng sản phẩm...

- Triển khai thực hiện công tác quản trị công ty theo phương án chuyển đổi số, phần mềm quản lý sản xuất kinh doanh, theo dõi xuất – nhập vật tư. Đảm bảo tích hợp chung toàn công ty để cung cấp thông tin hàng ngày, hàng tháng kịp thời và chính xác đến lãnh đạo công ty.

- Xây dựng chương trình công tác dài hạn về tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp nguồn nhân lực, lực lượng cán bộ kế cận quản lý, kỹ thuật... cho phù hợp với mô hình sản xuất thuần cán.

- Thực hiện chiến lược đầu tư và hạng mục đầu tư theo hướng tăng được sản lượng, năng suất, hạ giá thành sản xuất và cải thiện được lao động, tự động hóa, chuyên môn hóa để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công ty những năm qua.

- Hoàn thiện các văn bản pháp lý, điều lệ, quy chế quản trị công ty phù hợp, nhất quán với các văn bản pháp luật hiện hành.

3.5.2. Công tác sản xuất kinh doanh

- Theo dõi sát tình hình thị trường trong nước và thế giới để có giải pháp hiệu quả, điều hành sản xuất kinh doanh linh hoạt, tận dụng tối đa các cơ hội thị trường.

- Do là đơn vị thuần cán, giá nguyên liệu phối thép đầu vào ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, giải pháp quản trị nguồn nguyên liệu đầu vào được thực hiện theo cơ chế thị trường và hợp tác trong hệ thống. Bên cạnh đó, Công ty luôn tìm kiếm nguồn phối giá hợp lý, cạnh tranh nhưng đảm bảo chất lượng để phục vụ sản xuất, tiếp tục chủ trương mua đuổi bán đuổi để giữ mức tồn kho thấp nhất phù hợp với lượng tiêu thụ thép thành phẩm, giảm tối đa nguy cơ trong những thời điểm nhạy cảm biến động giá.

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm chi phí sản xuất: nhanh chóng khai thác hiệu quả các hạng mục đầu tư, ổn định thiết bị công nghệ, tăng hiệu suất sử dụng thiết bị để tăng năng suất, tiết kiệm vật tư phụ tùng, giảm cơ sở tồn kho vật tư phụ tùng với cơ sở tồn kho phù hợp, giảm tiêu hao thép thỏi, tiêu hao gas, điện.

- Kết hợp chặt chẽ với khối /V/ trong công tác tiêu thụ sản phẩm, khai thác các sản phẩm có hiệu quả, tìm kiếm thị trường mới. Tham gia một cách hợp lý tiêu thụ thép thanh vằn xuất khẩu nhằm giảm thiểu thiệt hại khi thị trường không thuận lợi cho công nghệ thuần cán.

3.5.3. Công tác kỹ thuật – cơ điện – chất lượng sản phẩm

- Duy trì và nâng cao hiệu quả Phương án QTSX thông qua việc giám sát triển khai các công tác kiểm tra thiết bị, lập kế hoạch bảo trì và triển khai sửa chữa chủ động. Đảm bảo

thiết bị công nghệ hoạt động ổn định, không để ngưng sản xuất dài ngày vì sự cố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.

- Góp phần kiểm soát chi phí sản xuất thông qua việc kiểm soát chất lượng vật tư phụ tùng, kiểm soát tồn kho, kiểm soát sử dụng vật tư phụ tùng trong sản xuất, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, chống lãng phí

- Triển khai thực hiện sửa chữa lớn thiết bị - xây dựng cơ bản theo đúng kế hoạch, đạt chất lượng, duy trì thiết bị ở tình trạng hoạt động ổn định nhất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001/2015 và ISO 17025 – 2017. Chú trọng, duy trì thực hiện và áp dụng hiệu quả đúng các Quy trình, Quy định, từ nguồn phối đầu vào đến các công đoạn đầu ra của sản phẩm. Tìm hiểu mở rộng sản phẩm thép góc đáp ứng nhu cầu khách hàng.

3.5.4. Công tác quản trị công ty

- Thường xuyên giáo dục và nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật lao động, ý thức tự bảo vệ mình cho người lao động,

- Thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng kèm cặp tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lao động kỹ thuật, quản lý, xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng nhu cầu hiện tại và cho dự án.

- Tiếp tục cải tiến quy chế tiền lương, phương án trả lương cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ của Công ty để không ngừng cải thiện và nâng cao thu nhập, ổn định đời sống vật chất tinh thần của NLĐ, tạo tâm lý tốt cho sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng phương án PCCC và triển khai thực hiện các quy định về An toàn PCCC; triển khai làm tốt công tác phòng chống bão lụt.

- Đảm bảo chất lượng và an toàn bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, chăm sóc sức khỏe người lao động.

- Quản lý sử dụng ngày công lao động chặt chẽ và hiệu quả. Thực hiện việc tái cơ cấu, định biên lại lao động, với mục tiêu tinh gọn và hiệu quả.

3.5.5. Công tác đầu tư

- Đưa các dự án đầu tư mới vào hoạt động ổn định, khai thác tối đa hiệu quả các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.

- Cập nhật những qui định mới trong công tác đầu tư XD/CB để triển khai các hạng mục đầu tư tuân thủ theo đúng qui định.

- Triển khai các hạng mục đầu tư mua sắm trong năm 2025 theo đúng kế hoạch, tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai dự án đầu tư bổ sung công đoạn luyện thép đảm bảo an toàn lao động, đúng tiến độ và tuân thủ quy định pháp luật. Xây dựng các phương án: tổ chức thực hiện dự án luyện thép, nguồn vốn, nguyên liệu, cơ cấu tổ chức, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

Với sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị Công ty cùng sự hỗ trợ của Công ty mẹ-Tổng công ty Thép Việt Nam, các đơn vị trong hệ thống thép /V/, bằng những cố gắng nỗ lực của mình, đội ngũ CBCNV và lao động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất - kinh doanh - đầu tư năm 2025.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về toàn bộ hoạt động của Công ty năm 2024 và định hướng nhiệm vụ 2025. Kính trình quý vị cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT, HĐQT.



Phạm Công Dũng

Phụ lục 1: KẾT QUẢ SX-TT 2024

STT	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% So với KH 2024	% So với năm 2023	Sản lượng năm 2023
A	Sản xuất	Tấn	97.000	94.847	97,78	99,95	94.897
1	Thép cây vằn	-nt-	61.000	55.732	91,37	95,77	58.193
2	Thép cuộn	-nt-	12.000	8.861	73,84	93,30	9.497
3	Thép góc	-nt-	24.000	30.254	126,06	111,20	27.207
B	Tiêu thụ	Tấn	97.000	95.775	98,74	100,17	95.613
1	Thép cây vằn	-nt-	61.000	56.220	92,16	94,11	59.737
1.1	Nội địa	-nt-	44.000	39.820	90,50	96,28	41.358
1.2	Xuất khẩu	-nt-	17.000	16.400	96,47	89,23	18.379
2	Thép cuộn	-nt-	12.000	8.505	70,88	97,30	8.741
3	Thép góc	-nt-	24.000	31.050	129,38	114,43	27.135
3.1	Nội địa	-nt-	12.000	15.694	130,78	113,93	13.775
3.2	Xuất khẩu	-nt-	12.000	15.356	127,97	114,94	13.360

Phụ lục 2: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	2024 so với 2023	% tăng/giảm
1. Doanh thu thuần	1.477.047	1.391.432	1.447.636	-56.204	-3,88%
2. Giá vốn	1.416.097	1.333.154	1.384.961	-51.807	-3,74%
3. Lợi nhuận gộp	60.950	58.278	62.675	-4.397	-7,02%
4. Chi phí bán hàng	12.000	13.902	12.836	1.066	8,30%
5. Chi phí QLDN	32.000	30.622	33.166	-2.544	-7,67%
6. Lợi nhuận từ HĐKD	2.950	3.084	2.530	554	21,90%
7. LN từ HĐ tài chính	-14.000	-10.670	-14.143	3.473	
- Doanh thu HĐ tài chính	1.000	2.665	2.188	477	21,80%
- Chi phí tài chính	15.000	13.335	16.331	-2.996	-18,35%
8. LN từ hoạt động khác	50	-130	288	-418	
- Thu nhập khác	500	815	842	-27	-3,21%
- Chi phí khác	450	945	554	391	-70,58%
9. Tổng LN trước thuế	3.000	2.953	2.818	135	4,79%
10. Chi phí thuế TNDN	600	1.019	1.041	-22	-2,11%
11. Lợi nhuận sau thuế	2.400	1.934	1.776	158	8,90%
12. Nộp ngân sách	1.400	1.509	281	1.228	
13. Tổng số lao động (người)	163	152	160	-8	-5,00%
14. Tiền lương bình quân /tháng	16,830	16,801	15,9	0.9	5,65%

Tp.HCM, ngày 13 tháng 02 năm 2025.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Căn cứ các báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty CP Thép Nhà Bè - Vnsteel.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2024 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát CTCP Thép Nhà Bè - Vnsteel, gồm 03 thành viên, cụ thể:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| 1. Ông Nguyễn Quốc Thiệu | Trưởng ban. |
| 2. Ông Bùi Văn Vĩnh | Thành viên. |
| 3. Bà Cù Thị Thùy Linh | Thành viên. |

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã bám sát chương trình hoạt động để triển khai công tác, cụ thể như sau:

- Giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện việc giám sát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro để đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.
- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm tài sản, đầu tư, sửa chữa lớn.
- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính quý, nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của số liệu tài chính.
- Kiểm tra tình hình tồn kho, công nợ, chi phí trích trước.
- Đánh giá việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Hợp thảo luận các nội dung báo cáo của Ban kiểm soát.

II. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

- HĐQT Công ty đã tổ chức đầy đủ các phiên họp để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch công tác trong kỳ, đề ra kế hoạch, chương trình hoạt động tiếp theo; Các nội dung cuộc họp HĐQT được thể hiện đầy đủ trong biên bản cuộc họp và có Nghị quyết của HĐQT để chỉ đạo thực hiện.

- Công ty cũng đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông bất thường với việc thông qua các nội dung chính về Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đầu tư

sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn sản phẩm/năm và Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư (Tổng Công ty Thép Việt Nam).

- Ban điều hành có nhiều cố gắng, bám sát triển khai nghị quyết của HĐQT giao và thực hiện nhiệm vụ của mình, nhất là khi thị trường biến động nhanh, lúc thuận lợi lúc khó khăn, tận dụng được thời cơ khi thị trường thuận lợi trong quý 4, tăng sản lượng tiêu thụ, gia tăng lợi nhuận bù đắp được khoản lỗ của 9 tháng và gần như hoàn thành kế hoạch năm; điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực hiện có về vốn, tài sản và đòn bẩy tài chính, tuy không hoàn thành kế hoạch, nhưng vẫn có lợi nhuận, đảm bảo nguồn lực tài chính, tăng thêm thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên, dự báo thị trường năm 2025 vẫn còn nhiều khó khăn, lực cầu chưa cải thiện, cạnh tranh mạnh từ hàng nhập khẩu giá rẻ của Trung Quốc, Ban lãnh đạo cần sát sao chỉ đạo công tác sản xuất, tiêu thụ, tồn kho, đảm bảo ít rủi ro nhất khi có biến động giảm giá. Năm 2025 cũng sẽ là năm Ban Lãnh đạo vừa phải đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh vừa phải khởi công, triển khai Dự án luyện thép theo kế hoạch, vừa phải đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

Thù lao của Hội đồng quản trị cho các Thành viên không quản lý trực tiếp đã được chi trả đầy đủ, theo đúng mức quy định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, các Thành viên khác tham gia điều hành trực tiếp được Công ty trả lương nên không có thù lao.

Trong năm 2024, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của Công ty; Ban kiểm soát cũng nhận được sự phối hợp, ủng hộ từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban, cán bộ quản lý để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

1. Về tình hình tài chính *Bảng CĐKT tại ngày 31/12/2024 (ĐVT: Triệu đồng)*

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2023	+/-	%
A	TỔNG TÀI SẢN	483.943	408.646	75.297	18,43
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	395.280	312.800	82.480	26,37
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	9.823	14.988	-5.165	-34,46
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	197.179	97.255	99.924	102,74
3	Hàng tồn kho	138.595	169.980	-31.385	-18,46
4	Tài sản ngắn hạn khác	49.683	30.577	19.106	62,48
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	88.663	95.846	-7.183	-7,49
1	Tài sản cố định	85.171	93.764	-8.593	-9,16
	- Nguyên giá	354.934	346.161	8.773	2,53
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(269.763)	(252.397)	-17.366	6,88
2	Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
	- Nguyên giá	1.478	1.478	0	0,00
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.478)	(1.478)	0	0,00
3	Tài sản dở dang dài hạn	3.338	1.559	1.779	114,11

4	Tài sản dài hạn khác	154	523	-369	-70,55
B	TỔNG NGUỒN VỐN	483.943	408.646	75.297	18,43
I	NỢ PHẢI TRẢ	302.070	228.441	73.629	32,23
1	Nợ ngắn hạn	302.070	228.441	73.629	32,23
2	Nợ dài hạn	0	0	0	0
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	181.873	180.205	1.668	0,93

Nhận xét:

1.1. Tài sản: Tổng tài sản của Công ty tăng 75.297 triệu đồng, tương ứng tăng 18,43%, sự biến động này là do Tài sản ngắn hạn tăng 84.120 triệu đồng, tương ứng tăng 26,89%; Tài sản dài hạn giảm 8.823 triệu đồng tương ứng giảm 9,21%; Phân tích chi tiết các khoản mục:

1.1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền: giảm 34,46%, tương ứng giảm 5.165 triệu đồng so với cùng kỳ. Số dư tại ngày 31/12/2024 bao gồm tiền mặt là 32 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng là 9.791 triệu đồng (trong đó tiền gửi USD quy đổi là 572 triệu đồng).

1.1.2. Các khoản phải thu ngắn hạn: Tăng 99.924 triệu đồng, tương ứng tăng 102,74% so với cùng kỳ. Phân tích một số khoản mục biến động lớn:

a/. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 196.015 triệu đồng, tăng 99.160 triệu đồng, tương ứng tăng 102,38%, chi tiết các khách hàng có khoản phải thu lớn:

+ Cty TNHH MTV Thép Miền Nam:	73.149 triệu đồng.
+ Chip Mong Group LTD (Cam):	70.984 triệu đồng.
+ KS Trading Co.,LTD (Cam):	717 triệu đồng.
+ Cty TNHH TMDV Thép Khương Mai:	6.135 triệu đồng.
+ Cty TNHH MTV Thép Phú Xuân Việt:	13.970 triệu đồng.
+ DNTN TM và GC Mười Lợi:	10.788 triệu đồng.
+ Cty TNHH TM Thép Nam Việt:	6.827 triệu đồng.

Qua số liệu trên, ngoài số phải thu của Thép Miền Nam là tiền bán thép thanh vằn, toàn bộ các khách hàng còn lại là khách hàng thép góc, với tổng số nợ là 109.421 triệu đồng, chiếm 55,82% tổng số nợ phải thu.

b/. Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn là 820 triệu đồng, tăng 623 triệu đồng, tăng 316,24% so cùng kỳ.

Để thấy rõ hơn, xét thêm chỉ tiêu số vòng quay các khoản phải thu và số ngày thu tiền bình quân:

Chỉ tiêu	2024	2023	+/-	%
Doanh thu thuần	1.391.432	1.447.636	-56.204	-3,88
Khoản phải thu đầu kỳ	97.255	72.157	25.098	34,78
Khoản phải thu cuối kỳ	197.179	97.255	99.924	102,74
Khoản phải thu bình quân	147.217	84.706	62.511	73,80
Số vòng quay	9,45	17,09	-7,64	-44,70
Số ngày thu tiền bình quân	38,09	21,06	17,02	80,82

Trong năm, khi doanh thu thuần giảm 3,88%, khoản phải thu bình quân tăng 73,80% so với cùng kỳ đã làm cho số vòng quay các khoản phải thu giảm 7,64 vòng,

tương ứng số ngày thu tiền bình quân tăng lên 17,02 ngày. Điều này cho thấy lượng vốn luân chuyển chậm hơn so với cùng kỳ, thời gian chiếm dụng vốn của khách hàng cao hơn, làm giảm chu kỳ hoạt động thu hồi nợ thành tiền, làm tăng chi phí lãi vay, giảm hiệu quả kinh doanh.

1.1.3. Hàng tồn kho

Stt	Nội dung	31/12/2024	31/12/2023	+/-	%
1	Nguyên vật liệu chính (Phôi)	67.166	66.049	1.117	1,69
2	VL phụ, phụ tùng thay thế	21.455	20.292	1.163	5,73
3	Phế liệu thu hồi	1.690	1.240	450	36,29
4	Công cụ, dụng cụ	517	5.636	-5.119	-90,83
5	Thành phẩm	45.711	71.518	-25.807	-36,08
6	Hàng gửi đi bán	2.056	5.245	-3.189	-60,80
	Tổng	138.595	169.980	-31.385	-18,46

Tổng giá trị hàng tồn kho giảm 31.385 triệu đồng tương ứng giảm 18,46% so với cùng kỳ, biến động chủ yếu là do tổng tồn kho phôi và thành phẩm (kể cả hàng gửi đi bán) giảm 27.878 triệu đồng, giảm 19,52%. Giá trị công cụ, dụng cụ đã giảm nhiều nhưng phụ tùng thay thế vẫn tăng cần được chú ý và kiểm soát.

1.1.4. Tài sản ngắn hạn khác: Tăng 62,48%, tương ứng tăng 19.106 triệu đồng so với cùng kỳ, sự biến động này chủ yếu là do chỉ tiêu Thuế GTGT được khấu trừ hiện là 48.550 triệu đồng, tăng 18.907 triệu đồng, tương ứng tăng 63,78% so với cùng kỳ.

1.1.5. Tài sản dài hạn: Giảm 7.183 triệu đồng, tương ứng giảm 7,49% so với cùng kỳ; các yếu tố biến động: TSCĐ giảm 8.593 triệu đồng tương ứng giảm 9,16% (Nguyên giá các TSCĐ tăng 8.773 triệu đồng, khấu hao là 17.366 triệu đồng); Tài sản dở dang dài hạn tăng 1.179 triệu đồng, tương ứng tăng 114,11%; Tài sản dài hạn khác giảm 369 triệu đồng, giảm 70,55% so với cùng kỳ.

1.2. Nguồn vốn: Tổng nguồn vốn tăng 75.297 triệu đồng, tương ứng tăng 18,43%, sự biến động này chủ yếu là do nợ phải trả tăng 73.629 triệu đồng, tương ứng tăng 32,23%; Vốn chủ sở hữu tăng 1.668 triệu đồng, tương ứng tăng 0,93%; Phân tích chi tiết một số khoản mục:

1.2.1. Nợ phải trả: Tăng 32,23% so với cùng kỳ, biến động này là của nợ ngắn hạn. Phân tích các chỉ tiêu trong cơ cấu nợ ngắn hạn so với cùng kỳ:

* **Biến động tăng:**

a/. Phải trả người lao động là 7.406 triệu đồng tăng 10 triệu đồng, tăng 0,14%.

b/. Chi phí phải trả ngắn hạn là 4.463 triệu đồng, tăng 673 triệu đồng, tăng 17,76% so với cùng kỳ, đây là tiền trích trước chi phí lãi vay, tiền điện và tiền khí gas phải trả là 3.326 triệu đồng, chiếm 74,52% chi phí phải trả.

c/. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 254.899 triệu đồng, tăng 101.504 triệu đồng tương ứng tăng 66,17% (cùng kỳ là 153.395 triệu đồng), toàn bộ số tiền trên là tiền vay ngân hàng và đều chưa quá hạn, trong đó:

- Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là: 114.950 triệu đồng, lãi suất 6,0%/năm.

- Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là: 89.996 triệu đồng, lãi suất 6,0%/năm.

- Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là: 49.953 triệu đồng, lãi suất 5,5%/năm.

d/. Quỹ khen thưởng phúc lợi còn 73 triệu đồng, tăng 55 triệu đồng, tăng 305,56%.

*** Biến động giảm:**

a/. Phải trả người bán ngắn hạn là 32.387 triệu đồng, giảm 27.924 triệu đồng, giảm 46,30% so với cùng kỳ; chi tiết các khoản phải trả có giá trị lớn:

+ Công ty CP Thép Thủ Đức - Vnsteel: 6.394 triệu đồng.

+ Công ty CP Kim khí Tp. HCM: 15.391 triệu đồng.

Đây là các khoản mua nguyên liệu chính (phôi), các khoản nợ trên đều chưa quá hạn và Công ty có đủ khả năng để thanh toán khi tới hạn.

b/. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 973 triệu đồng, giảm 68 triệu đồng, giảm 6,53% (cùng kỳ là 1.041 triệu đồng), đây là khoản thuế TNDN phải nộp của năm 2024.

c/. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là 83 triệu đồng, giảm 227 triệu đồng, giảm 73,23%.

d/. Phải trả ngắn hạn khác là 1.785 triệu đồng, giảm 395 triệu đồng, giảm 18,12%, chiếm tỷ trọng lớn là khoản tiền cổ tức, lãi trái phiếu và phí thương hiệu.

1.2.2. Vốn Chủ sở hữu: Tăng 1.668 triệu đồng, tương ứng tăng 0,93% so với cùng kỳ, là do tăng lợi nhuận trong năm 2024.

1.3. Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2024	2023	+/-
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	81,68	76,55	5,13
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	18,32	23,45	-5,13
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	62,42	55,90	6,52
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	37,58	44,10	-6,52
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh (Lần)	0,85	0,63	0,22
Khả năng thanh toán hiện hành (Lần)	1,31	1,37	-0,06
Tỉ suất lợi nhuận			
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	0,40	0,43	-0,03
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,14	0,12	0,02
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH (%)	1,06	0,99	0,08
Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS (VNĐ)	134	104	20

Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn đã thay đổi, về tài sản giảm tỉ trọng ở tài sản dài hạn, tăng ngắn hạn, về nguồn vốn giảm tỉ trọng nguồn vốn chủ sở hữu (dù

trong năm có lãi), tăng nợ phải trả; chỉ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty đã tăng, đảm bảo khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn đến hạn thanh toán, các chỉ số về lợi nhuận và chỉ số lãi cơ bản trên cổ phiếu đều tăng so với cùng kỳ.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng so sánh với cùng kỳ

Stt	Chỉ tiêu	2024	2023	+/-	%
1	Doanh thu thuần	1.391.432	1.447.636	-56.204	-3,88
2	Giá vốn	1.333.154	1.384.961	-51.807	-3,74
3	Lợi nhuận gộp	58.278	62.675	-4.397	-7,02
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2.665	2.188	477	21,80
5	Chi phí tài chính	13.335	16.331	-2.996	-18,35
	- Chi phí lãi vay	12.292	14.300	-2.008	-14,04
6	Chi phí bán hàng	13.902	12.836	1.066	8,30
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.623	33.166	-2.543	-7,67
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	3.083	2.530	553	21,86
9	Thu nhập khác	815	842	-27	-3,21
10	Chi phí khác	945	554	391	70,58
11	Lợi nhuận khác	-130	288	-418	-145,14
12	Lợi nhuận trước thuế	2.953	2.818	135	4,79
13	Thuế TNDN	1.019	1.042	-23	-2,21
14	Lợi nhuận sau thuế	1.934	1.776	158	8,90

- Doanh thu thuần giảm 3,88%, trong khi giá vốn giảm 3,74% (giảm ít hơn so với doanh thu) so với cùng kỳ, làm cho lợi nhuận gộp giảm 7,02%, tương ứng giảm 4.397 triệu đồng. Để thấy được sự biến động của doanh thu sẽ phân tích các yếu tố làm giảm doanh thu thành phẩm:

Chỉ tiêu	2024	2023	+/-	%
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	95.774	95.612	162	0,17
Giá bán bình quân (tr.đ/tấn)	14,498	14,948	-0,450	-3,01
Doanh thu (tr.đ)	1.388.545	1.429.251	-40.706	-2,85
Ảnh hưởng SL đến DT (tr.đ)			2.422	0,17
Ảnh hưởng giá bán đến DT (tr.đ)			-43.128	-3,02

Qua phân tích cho thấy doanh thu giảm so với cùng kỳ chủ yếu là do giá bán bình quân giảm 3,01% làm cho doanh thu giảm 3,02% (giảm 43.128 tr.đ), tăng sản lượng tiêu thụ 0,17% (162 tấn) đã làm doanh thu tăng 0,17% (tăng 2.422 tr.đ), tổng doanh thu thành phẩm giảm 40.706 triệu đồng tương ứng giảm 2,85% so với cùng kỳ.

- So với cùng kỳ, chi phí tài chính thuần giảm 24,56%, giảm 3.473 triệu đồng, chủ yếu là do giảm chi phí tài chính; để thấy rõ, phân tích cụ thể như sau:

- + Tổng tiền vay đã giải ngân năm 2024/2023: 1.375.416/1.410.069 tr.đ
- + Bình quân tiền vay 01 tháng: 114.618/117.506 tr.đ
- + Tiền lãi vay bình quân 01 tháng: 1.024/1.192 tr.đ

Như vậy, tổng số tiền vay đã giảm 2,46%, tương ứng giảm 34.653 triệu đồng, làm cho chi phí lãi vay bình quân 01 tháng đã giảm 168 triệu đồng, giảm 14,09%, góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh.

- Trong khi doanh thu giảm 3,88%, thì chi phí bán hàng tăng 8,30% (tăng chủ yếu ở chỉ tiêu: chi phí khác bằng tiền, tăng 45,15%), còn chi phí Quản lý Doanh nghiệp giảm 7,67%. Xét về tổng chi phí: Bán hàng, Quản lý Doanh nghiệp, chi phí tài chính thuần (chi phí gián tiếp):

+ Năm 2024 tổng chi phí là 55.195 triệu đồng, SLTT: 95.774 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,576 triệu đồng/tấn SP.

+ Năm 2023 tổng chi phí là 60.145 triệu đồng, SLTT: 95.612 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,629 triệu đồng/tấn SP.

Như vậy khi tổng chi phí gián tiếp giảm 8,14% so với cùng kỳ đã làm cho chi phí gián tiếp trên 1 tấn sản phẩm giảm 0,053 triệu đồng, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh.

- Lợi nhuận khác giảm 418 triệu đồng, tương ứng giảm 145,14% so với cùng kỳ.

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty là 2.953 triệu đồng, tăng 135 triệu đồng, tương ứng tăng 4,79% so với cùng kỳ, tuy nhiên cũng mới gần hoàn thành kế hoạch năm (đạt 98,43% KH năm).

3. Đánh giá việc hoàn thành kế hoạch: ĐVT: Tấn

Chỉ tiêu	KH 2024	Thực hiện		So sánh (%)	
		2024	2023	TH/KH	2024/2023
Sản xuất	97.000	94.847	94.898	97,78	99,95
- Thép góc	24.000	30.254	27.207	126,06	111,20
- Thép thanh	61.000	55.732	58.194	91,36	95,77
- Thép cuộn	12.000	8.861	9.497	73,84	93,30
Tiêu thụ	97.000	95.774	95.612	98,74	100,17
- Thép góc	24.000	31.050	27.134	129,38	114,43
- Thép thanh	61.000	56.220	59.736	92,16	94,11
- Thép cuộn	12.000	8.504	8.742	70,87	97,28

(Ghi chú: Trong sản lượng sản xuất thép cuộn đã tính luôn 1.006 tấn thép gia công)

Nhận xét: Sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ thép thanh và cuộn đều giảm so với cùng kỳ và giảm so với kế hoạch năm 2024, tuy nhiên sản lượng sản xuất và tiêu thụ thép góc đã vượt kế hoạch và tăng trưởng nhiều so với cùng kỳ.

- Chỉ số Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE): 1,07%, không đạt kế hoạch (Kế hoạch 1,35%).

- Chỉ số Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA): 0,43%, không đạt kế hoạch (Kế hoạch 0,60%).

4. Công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ và sửa chữa lớn

Theo kế hoạch, Công ty có 01 dự án đầu tư là “Đầu tư sản xuất thép cán xây dựng - Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn/năm” trị giá 450.000 triệu đồng, trong đó vốn vay thương mại 65%, vốn chủ sở hữu 35%; sau Đại

bước theo kế hoạch và các quy định của pháp luật và của Cổ đông lớn là Tổng công ty Thép Việt Nam.

Về đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ: Có 02 hạng mục với trị giá 4.100 triệu đồng, đã hoàn thành 01 hạng mục là: Mua xe Toyota 5 chỗ, với hía trị 1.388 triệu đồng, hạng mục: Cụm đếm bó thép thanh: Đang chạy thử nghiệm thu; Ngoài ra còn 01 hạng mục đầu tư từ năm 2023 là Cụm đóng bó thép góc, đã đưa vào sử dụng và tăng TSCĐ trong năm, với giá trị 5.928 triệu đồng.

Về sửa chữa lớn và XDCB, Kế hoạch của Công ty có 09 hạng mục được phê duyệt, với giá trị 1.950 triệu đồng, trong năm công ty đã triển khai và hoàn thành 08 hạng mục, với giá trị khoảng 1.537 triệu đồng, 01 hạng mục đang thực hiện.

Ngoài các hạng mục đã hình thành TSCĐ nêu trên, trong năm, Công ty đã mua sắm và tăng thêm 06 TSCĐ, với tổng giá trị 1.456 triệu đồng, bao gồm:

- | | |
|--|------------------|
| - 02 Động cơ điện | : 81 triệu đồng |
| - Cải tạo nâng cấp hệ thống điều khiển | : 672 triệu đồng |
| - Cải tạo gia cố ray cầu trục PXC | : 350 triệu đồng |
| - Nâng cấp phần mềm số | : 200 triệu đồng |
| - Cải tạo và nâng cấp nhà tắm CN | : 153 triệu đồng |

Về chi phí cho các hạng mục đang thực hiện, đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.338 triệu đồng, bao gồm:.

- | | |
|-------------------------------------|--------------------|
| - Dự án luyện phôi thép | : 1.533 triệu đồng |
| - Máy đếm thép thanh tự động | : 1.717 triệu đồng |
| - Sửa chữa Bộ giá đỡ cardan cán thô | : 88 triệu đồng |

III. Ý kiến của ban kiểm soát

- Với kế hoạch sản xuất và tiêu thụ năm 2025 có tăng trưởng so với năm 2024 (nhưng vẫn thấp so với công suất dây chuyền cán), thì việc điều độ sản xuất sao cho hợp lý, hiệu quả cần phải được ưu tiên hàng đầu, nhằm giảm thấp nhất tiêu hao kim loại, gas và điện, tăng hiệu suất thiết bị; với sản lượng sản xuất thấp thì chi phí sản xuất, chi phí gián tiếp tính trên đầu tấn sản phẩm vẫn sẽ cao, vì vậy phải kiểm soát chặt việc phát sinh chi phí, giảm thiểu tối đa các chi phí không cần thiết, nhằm giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh; Về nguồn phôi, ngoài các đơn vị trong hệ thống, Công ty cần tăng cường tìm kiếm nhà cung cấp phôi để đa dạng nguồn hàng, chủng loại nhất là phôi để sản xuất thép cuộn, thép góc và thép vằn cán chẻ, chủ động được nguồn phôi nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh.

- Sản lượng tiêu thụ thép góc đã cao hơn kế hoạch và vượt so với cùng kỳ, đây là kết quả của nhiều giải pháp, phương án mà Công ty đã và đang áp dụng nhằm tăng thị phần thép góc, tăng các kênh phân phối, tăng thị trường xuất khẩu. Để giữ vững và hướng tới tăng trưởng tiêu thụ thép góc Công ty cần đánh giá hiệu quả của các phương án, giữ được sản lượng tiêu thụ của các nhà phân phối cấp 1, có thêm các giải pháp hỗ trợ các nhà phân phối, tiếp tục tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới.

- Tìm kiếm khách hàng, đối tác để gia công sản phẩm trên dây chuyền cán hiện hữu, nhằm tăng hiệu suất thiết bị cũng như thu nhập của người lao động, đảm bảo lợi ích của các bên.

- Đẩy nhanh công tác thu hồi nợ (chú ý đối tượng khách hàng Campuchia), tăng vòng quay nợ phải thu, không để phát sinh nợ xấu. Thực hiện việc đàm phán với

- Đẩy nhanh công tác thu hồi nợ (chú ý đối tượng khách hàng Campuchia), tăng vòng quay nợ phải thu, không để phát sinh nợ xấu. Thực hiện việc đàm phán với các ngân hàng để có được nguồn vốn vay với lãi suất hợp lý, trong điều kiện tài sản đảm bảo không có nhiều, đàm phán về việc vay vốn dài hạn cho dự án đầu tư; Thực hiện việc xin hoàn thuế GTGT khi hiện nay số dư lên tới 47.474 triệu đồng, bằng 41,75% số tiền vay bình quân hàng tháng.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị nhất là trong thời gian ngưng sản xuất, nhằm giảm thiểu hư hỏng, sự cố nhất là hư hỏng về công nghệ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm; giám sát việc thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm.

- Tiếp tục duy trì các phương án quản trị, chọn và sử dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số phù hợp và khả thi vào công tác quản lý nhằm đảm bảo kiểm soát tốt các hoạt động trong công ty.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện việc đầu tư, sửa chữa lớn năm 2025 bài bản, đúng quy định, công tác đầu thầu phải công khai minh bạch và sát với khả năng tài chính của công ty. Về dự án bổ sung công đoạn luyện thép 150.000 tấn/năm, cần phân đấu khởi công và thực hiện các hạng mục, gói thầu đúng kế hoạch, đúng tiến độ.

IV. Kế hoạch hoạt động năm 2025

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, cụ thể:

- Giám sát công tác triển khai việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Thực hiện việc giám sát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro để đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.

- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm tài sản, đầu tư, sửa chữa lớn; Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính quý, bán niên, năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của số liệu tài chính.

- Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề, khi có yêu cầu của HĐQT, của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo điều 115 Luật doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát. Báo cáo này đã được tất cả các thành viên Ban kiểm soát nhất trí thông qua, kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TNB;
- HĐQT, Ban TGD;
- Thành viên BKS;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Quốc Thiệu

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán) như sau:

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán, được Ban Kiểm soát Công ty kiểm tra, thẩm định và đã được công bố thông tin công khai theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán) gồm các nội dung:

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc;
- Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán) của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL đã được gửi kèm theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, công bố thông tin trên đại chúng và công khai trên website: [//nbsteel.vn/](http://nbsteel.vn/)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Công Dũng

Số: 26/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thông qua

Quyết toán thực hiện tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT và BKS năm 2024
Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2025

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.
- Căn cứ kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm, như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 của thành viên HĐQT và BKS

Stt	Chức vụ	Kế hoạch	Thực hiện	Số tháng quyết toán	Tổng tiền lương
I	Tiền lương thành viên HĐQT và BKS chuyên trách				752.230.000
1	Chủ tịch HĐQT	38.930.000	38.930.000	11	428.230.000
2	Trưởng ban kiểm soát	27.000.000	27.000.000	12	324.000.000
II	Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách				174.000.000
1	Chủ tịch HĐQT		6.000.000	1	6.000.000
2	Thành viên HĐQT 02 người	4.000.000	4.000.000	24	96.000.000
3	Thành viên BKS 02 người	3.000.000	3.000.000	24	72.000.000

Tổng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024: 926.230.000 đồng

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sau khi Công ty hoàn thiện kế hoạch tiền lương 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.



Phạm Công Dũng

Số: 36/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
việc phân phối lợi nhuận năm 2024

- Căn cứ vào điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL;

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty trình Đại hội cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua việc phân phối lợi nhuận như sau:

- | | | | |
|---|--|---|---------------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối LK đến 31/12/2023 | : | 7.407.503.719 đồng. |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 | : | 1.934.508.641 đồng. |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối LK đến 31/12/2024 | : | 9.342.012.360 đồng. |
| 4 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | : | 0 đồng. |
| 5 | Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng người lao động (16% LNST năm 2024) | : | 310.000.000 đồng. |
| | Trong đó: + Quỹ khen thưởng | | 62.000.000 đồng. |
| | + Quỹ phúc lợi | | 248.000.000 đồng. |
| 6 | Trích quỹ đầu tư phát triển | | 4.647.012.932 đồng |
| 7 | Lợi nhuận chưa phân phối còn lại | : | 4.384.999.428 đồng. |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Dũng

Số: 25 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Kế hoạch SXKD - Tài chính – Đầu tư năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 về Kế hoạch SXKD - Tài chính và Đầu tư năm 2025 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Sản xuất: - Tiêu thụ: 110.000 tấn thép cán

2. Kế hoạch tài chính

- Doanh thu thuần: 1.601,745 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 05 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 04 tỷ đồng
- Tỷ suất LNST/Vốn CSH: 2,3%
- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản: 1,1%
- Dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt 0 %

3. Kế hoạch đầu tư phát triển, mua sắm nâng cấp TSCĐ năm 2025

STT	Tên dự án, thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
I	Dự án đầu tư phát triển (chuyển tiếp)	Tr đồng	450.000	
1	Đầu tư sản xuất thép cán xây dựng - Bổ sung công đoạn luyện phôi thép cs 150.000 tấn sp/năm	Tr đồng	450.000	
II	Dự án đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ	Tr đồng	17.100	
1	Máy cắt đầu Block	Tr. đồng	3.600	
2	Cụm thiết bị gia nhiệt phôi	Tr. đồng	13.500	
TỔNG		Tr. đồng	467.100	

- Tổng mức đầu tư phát mua sắm, nâng cấp TSCĐ: 467,10 tỷ đồng.

Năm 2025 dự báo thị trường thép có nhiều biến động, kinh tế vĩ mô trong nước gặp nhiều khó khăn. Tình hình SXKD của ngành thép nói chung và của Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ diễn biến thực tế để cân đối điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – tài chính – đầu tư phù hợp với tình hình thực tế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ – VNSTEEL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt Hợp đồng mua bán với các
Công ty có liên quan

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua các nội dung như sau:

Ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt hợp đồng mua bán có giá trị hợp đồng (bao gồm cả dư nợ tín chấp) bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi nhận tại báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan: Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam, Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL, Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí TPHCM - VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí Miền Trung; Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Dự thảo Hợp đồng kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Công Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 về việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, cụ thể như sau:

1. Hạn mức tín chấp bán hàng: 150 tỷ đồng đối với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL.
2. Hạn mức tín chấp bán hàng: 2,5 triệu USD đối với Chip Mong Group Co., Ltd - Campuchia.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Công Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL.

Căn cứ quy định của pháp luật quy định về điều kiện của các công ty kiểm toán được phép kiểm toán báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị trong năm 2025 như sau:

Ủy quyền cho HĐQT xem xét lựa chọn một trong những công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH
Đại đồng cổ đông thông qua
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty trình Đại hội cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua việc kế hoạch phân phối lợi nhuận như sau:

1. Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế 31/12/2024	:	4.384.999.428 đồng.
2. Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2025	:	4.000.000.000 đồng.
3. Tổng cộng Lợi nhuận chưa phân phối LK lũy kế 31/12/2024	:	8.384.999.428 đồng.
4. Trả cổ tức bằng tiền mặt	:	- đồng.
5. Trích quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng cho NLĐ (25% LNST năm 2025)	:	1.000.000.000 đồng.
6. Trích Quỹ đầu tư phát triển	:	4.130.000.000 đồng.
7. Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	3.254.999.428 đồng.

Năm 2025 dự báo tình hình SXKD của ngành thép nói chung và Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ủy quyền cho HĐQT Công ty CP Thép Nhà Bè – VNSTEEL căn cứ diễn biến thực tế để điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Đại hội đồng cổ đông thông qua
Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 Thành viên Hội đồng quản trị**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL quy định thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị;

Căn cứ đơn từ nhiệm của ông Lê Việt ngày 29/11/2024;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè –VNSTEEL trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 về việc: Miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với ông Lê Việt và bầu bổ sung 01 Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Công Dũng

Số: 40 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Đại hội đồng cổ đông thông qua
Về việc thông qua danh sách bầu bổ sung 01 Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-VNS ngày 06/3/2025 về việc ủy quyền Đại diện phần vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè -VNSTEEL trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 về việc thông qua Danh sách ứng viên bầu bổ sung 01 Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn
01	Dương Trung Toàn	30/7/1969	Cử nhân kinh tế

(Có Sơ yếu lý lịch kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, Người PTQT Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên HĐQT
Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL)*

Họ tên: **DƯƠNG TRUNG TOÀN** - Giới tính: Nam

Ngày sinh: 30/07/1969 - Nơi sinh: Thái Nguyên

Quê quán: Quảng Nam

Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Số CMND/CCCD: 019069000056

Ngày cấp: 22/11/2021 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Điện thoại: 0903916999 - Email: toandt@vnsteel.vn

Địa chỉ thường trú: 84 Cộng Hòa, Phường 4, Tân Bình, TP.HCM

Nơi ở hiện nay: H.15.01 Cao ốc Đảo Kim cương, Số 1 Trần Quý Kiên, P. Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học



QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời gian học	Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Văn bằng, chứng chỉ
1987-1991	ĐH Kinh tế TP.HCM	Tài chính	Cử nhân
1993	Sở GD và ĐT TP.HCM	Anh văn	Chứng chỉ B
2005-2006	Viện n/c kinh tế phát triển	Giám đốc tài chính CFO	Chứng chỉ
2012	Trường doanh nhân PACE	Giám đốc điều hành CEO	Chứng chỉ
2012-2014	Học viện chính trị KV II	Cao cấp lý luận CT-HC	Cao cấp
2018	BD KTQP và AN ĐT2	BD KTQP và AN ĐT2	Giấy CN

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Nơi công tác, nghề nghiệp, chức vụ
11/1991-09/1995	Kế toán tổng hợp Nhà máy Thép Thủ Đức
10/1995-06/2002	Kế toán trưởng, PT. Phòng tổng hợp C/ty SXSP mạ CN VINGAL, Bí Thư Chi bộ C/ty
07/2002-12/2003	Phó phòng, Trưởng phòng TC-KT NM Thép Tân Thuận, Chi ủy viên CB Văn phòng
01/2004-05/2007	Trưởng phòng TC-KT BQLDA NM thép cán nguội Phú Mỹ,

	Trưởng phòng TC-KT C/ty Thép Tấm lá Phú Mỹ, Chi ủy viên chi bộ Công ty
06/2007-04/2009	Kế toán trưởng C/ty CP Thép Essar-Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc C/ty CP Thép Essar-Việt Nam, ĐDV chính; Chủ tịch công đoàn lâm thời
04/2009-04/2013	Tổng Giám đốc C/ty CP Thép tấm Miền nam, ĐDV chính; Chủ tịch công đoàn lâm thời
04/2013-06/2014	Phó Trưởng ban TC-KT Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP
07/2014-06/2015	Phó Giám đốc C/ty Thép tấm lá Phú Mỹ, Phó Tổng Giám đốc C/ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ-VNSTEEL
07/2015-03/2018	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Công ty TNHH Thép Vina Kyoei; Bí thư chi bộ Công ty
04/2018-04/2024	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kim khí TPHCM-VNSTEEL. Bí thư ĐU Công ty
04/2024-03/2025	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Mạ kẽm công nghiệp Vingal-VNSTEEL. Bí thư ĐU Công ty

Chức vụ công tác hiện nay tại Thép Nhà Bè:

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal-VNSTEEL

Số cổ phần đại diện: 3.603.000 CP chiếm 24.87% vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không

Thông tin về người có liên quan, theo quy định tại khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán (mẫu đính kèm)

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.



Xác nhận của tổ chức

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Huy Thọ
TỔNG GIÁM ĐỐC

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature)

Dương Trung Toàn

Số: 32 /TNB-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2025

QUY CHẾ
THAM GIA ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ BẦU BỔ SUNG VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
NHIỆM KỲ 2023-2028
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Số lượng thành viên HĐQT: 05 người. Bầu bổ sung: 01 người.
2. Nhiệm kỳ: 5 năm (2023-2028)
3. Số lượng ứng cử viên: Không giới hạn
4. Điều kiện ứng cử, đề cử và tiêu chuẩn ứng cử viên: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:
 - Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - Từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - Từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử năm (05) ứng viên trở lên.

5. Tiêu chuẩn ứng cử viên

- Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết là cổ đông của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa 05 công ty khác.

6. Nguyên tắc bầu cử

- Danh sách ứng cử viên bầu bổ sung vào Hội đồng Quản trị (HĐQT) được hình thành theo nguyên tắc: dựa trên Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, HĐQT sẽ lựa chọn các ứng cử viên bầu bổ sung vào HĐQT đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định trong Quy chế đề cử, ứng cử vào HĐQT;

- Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp, theo hình thức công khai, trực tiếp, bỏ phiếu kín.

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự được phát một phiếu bầu thành viên HĐQT cho toàn bộ số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.

- Cổ đông lựa chọn từ 01 trong số các ứng cử viên bầu vào HĐQT. Cổ đông ghi số phiếu biểu quyết của mình cho từng ứng cử viên mình chọn tại ô số phiếu bầu của ứng viên, nếu không bầu cho người nào trong danh sách bầu cử thì ghi số “0” hoặc để trống tại ô số phiếu bầu của ứng viên đó.

7. Phiếu bầu cử

7.1. Phiếu hợp lệ

- Là các phiếu bầu theo mẫu in sẵn tên các ứng viên theo thứ tự ABC của Ban bầu cử phát hành, có đóng dấu treo của CTCP Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

- Phiếu bầu đúng hoặc không vượt quá tổng số quyền được bầu.

- Không được gạch xóa, cạo, sửa.

7.2. Phiếu không hợp lệ

- Không do Ban tổ chức phát hành, không đóng dấu của công ty theo quy định.

- Phiếu bầu quá số người quy định, ghi thêm tên người khác vào danh sách, hoặc không bầu ai.

- Phiếu bầu có tổng số quyền bầu cử đã bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu

- Phiếu gạch xóa, cạo, sửa.

8. Nguyên tắc lựa chọn các ứng cử viên trúng cử vào HĐQT

- Số phiếu bầu được tính theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng cổ cổ phần đại diện nhân với số thành viên tối đa được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo thứ tự người có số phiếu bầu cao nhất đến người có số phiếu bầu thấp hơn cho đến khi đủ số lượng (01 thành viên HĐQT).

- Trong trường hợp có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì người nào sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu sở hữu cổ phần bằng nhau thì người nào có thâm niên công tác trong khu vực doanh nghiệp Nhà nước cao hơn sẽ đắc cử. Nếu thâm niên công tác trong khu

vực doanh nghiệp Nhà nước vẫn bằng nhau thì Đoàn Chủ tịch xin phép Đại hội thảo luận và quyết định.

- Nếu bầu lần thứ nhất mà số lượng thành viên HĐQT chưa đủ số lượng, Đoàn Chủ tịch sẽ tổ chức thực hiện bầu lại lần hai để lựa chọn đủ số thành viên HĐQT trong số các ứng cử viên không trúng cử ở lần bầu cử thứ nhất. Nếu lần bầu cử thứ hai vẫn không đủ số lượng thì Đoàn Chủ tịch xin phép Đại hội thảo luận và quyết định.

9. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử bầu vào HĐQT: 01 bộ, bao gồm:

- Đơn ứng cử, đề cử tham gia HĐQT (theo mẫu kèm);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu kèm);
- Bản sao có công chứng: Căn cước công dân, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

Hồ sơ xin gửi về địa chỉ dưới đây trước ngày 05/03/2025:

Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL

KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3569 672 – Fax: (0251) 3569 673

Email: thepnhabe@nbsteel.vn - website: www.nbsteel.vn

10. Hiệu lực thi hành

- Quy chế bầu cử này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.

- Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ từ 50% trở lên sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Công Dũng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL tiền thân là Nhà máy thép Nhà Bè - đơn vị trực thuộc Công ty Thép Miền Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè theo quyết định số 2253/QĐ-BCN ngày 29 tháng 06 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103008871 ngày 25 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Công Dũng	Chủ tịch	Thành viên HĐQT được bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 17/01/2025
Ông Lê Việt	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 17/01/2025
Ông Nguyễn Hữu Khánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Tính	Thành viên	
Bà Nguyễn Thúy Ly	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Tính	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Khánh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Dân Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/01/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Thiệu	Trưởng ban
Ông Bùi Văn Vĩnh	Thành viên
Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Minh Tính - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Tính
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		395.279.834.131	312.800.353.544
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	9.822.697.210	14.987.570.802
111	1. Tiền		9.822.697.210	14.987.570.802
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		197.178.698.737	97.255.468.087
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	196.014.555.975	96.855.290.080
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	819.523.267	196.719.183
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	344.619.495	203.458.824
140	IV. Hàng tồn kho	07	138.595.446.297	169.979.965.736
141	1. Hàng tồn kho		138.617.915.557	169.979.965.736
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(22.469.260)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		49.682.991.887	30.577.348.919
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	836.472.227	624.458.332
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		48.549.765.651	29.643.266.578
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	296.754.009	309.624.009
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		88.662.872.465	95.846.141.160
220	II. Tài sản cố định		85.171.086.912	93.764.137.591
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	84.978.828.847	93.764.137.591
222	- Nguyên giá		354.164.343.090	345.591.013.157
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(269.185.514.243)	(251.826.875.566)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	192.258.065	-
228	- Nguyên giá		770.000.000	570.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(577.741.935)	(570.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	-	-
231	- Nguyên giá		1.478.303.812	1.478.303.812
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.478.303.812)	(1.478.303.812)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.338.014.247	1.559.181.119
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	3.338.014.247	1.559.181.119
260	VI. Tài sản dài hạn khác		153.771.306	522.822.450
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	153.771.306	522.822.450
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		483.942.706.596	408.646.494.704

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		302.069.493.245	228.441.389.994
310	I. Nợ ngắn hạn		302.069.493.245	228.441.389.994
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	32.387.419.654	60.311.100.679
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	83.146.035	309.922.145
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	973.107.406	1.041.485.648
314	4. Phải trả người lao động		7.406.115.421	7.396.294.803
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.463.242.636	3.789.702.206
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.784.941.266	2.179.554.226
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	254.898.972.187	153.395.187.647
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		72.548.640	18.142.640
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		181.873.213.351	180.205.104.710
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	181.873.213.351	180.205.104.710
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		144.900.000.000	144.900.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		144.900.000.000	144.900.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.279.359.369	7.279.359.369
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		15.890.084.554	15.890.084.554
415	4. Cổ phiếu quỹ		(1.230.000)	(1.230.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		4.462.987.068	4.462.987.068
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.342.012.360	7.673.903.719
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.407.503.719	5.897.438.167
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.934.508.641	1.776.465.552
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		483.942.706.596	408.646.494.704

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Nguyễn Thị Phương
Phụ trách phòng Tài chính Kế toán

Nguyễn Minh Tính
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.405.237.749.571	1.457.624.191.403
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	13.805.265.290	9.987.855.851
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.391.432.484.281	1.447.636.335.552
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.333.154.172.443	1.384.961.064.859
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		58.278.311.838	62.675.270.693
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.665.299.117	2.187.562.603
22	7. Chi phí tài chính	25	13.334.808.842	16.330.944.007
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.291.875.086	14.299.666.286
25	8. Chi phí bán hàng	26	13.902.267.342	12.835.767.091
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	30.622.622.812	33.165.798.516
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.083.911.959	2.530.323.682
31	11. Thu nhập khác	28	815.114.228	841.819.062
32	12. Chi phí khác	29	945.603.816	554.191.544
40	13. Lợi nhuận khác		(130.489.588)	287.627.518
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.953.422.371	2.817.951.200
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.018.913.730	1.041.485.648
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.934.508.641	1.776.465.552
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	134	104

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Nguyễn Thị Phương
Phụ trách phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Minh Tính
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.953.422.371	2.817.951.200
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		17.366.380.612	19.522.287.259
03	- Các khoản dự phòng		22.469.260	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(434.128.392)	42.995.337
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.744.339)	(86.027.585)
06	- Chi phí lãi vay		12.291.875.086	14.299.666.286
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		32.185.274.598	36.596.872.497
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(117.805.883.082)	(41.322.110.206)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		31.362.050.179	(18.440.218.218)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(27.931.767.516)	32.819.449.514
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		69.059.410	(160.829.245)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.221.816.617)	(14.355.037.349)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.087.291.972)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(211.994.000)	(122.603.600)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(95.642.369.000)	(4.984.476.607)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.041.229.222)	(1.904.181.119)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	67.454.545
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.744.339	18.573.040
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.026.484.883)	(1.818.153.534)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.375.416.291.787	1.410.068.957.061
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.273.912.507.247)	(1.402.271.296.263)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(5.413.337)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		101.503.784.540	7.792.247.461
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.165.069.343)	989.617.320

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.987.570.802	13.997.494.671
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		195.751	458.811
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>9.822.697.210</u>	<u>14.987.570.802</u>


Nguyễn Thị Phương
Người lập


Nguyễn Thị Phương
Phụ trách phòng Tài chính Kế toán




Nguyễn Minh Tính
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2025

330
C
TH
QUẢN

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN THÉP TRẢ CHẬM
Hợp đồng số : 02-2025/HĐTC-TMN

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng 12 năm 2024, tại Văn phòng Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL, đại diện 2 đơn vị gồm:

Bên Bán: CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH - CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là Bên A)

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Phú Hội, H. Nhơn Trạch, Đồng Nai.
Số GCNĐKHĐCN: 0305393838-001 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 10/05/2023.

Điện thoại : 0251 3569 672

Fax : 0251 3569 673

Mã số thuế : 0305393838-001

Tài khoản : -111000106412 tại NH TMCP Công Thương Việt Nam–CN Nhơn Trạch
-3100793619 tại NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam– CN

TP.HCM.

Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Do Ông : NGUYỄN MINH TÍNH

Giám Đốc làm đại diện

Bên Mua: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP MIỀN NAM – VNSTEEL (sau đây gọi tắt là Bên B)

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Số GCNĐKDN : 3502269994 đăng ký lần đầu ngày 10/12/2014, thay đổi lần thứ 6 ngày 11/01/2023.

Điện thoại : 0254.3922091

Fax : 0254.3921005

Mã số thuế : 3502269994

Do Ông : NGUYỄN NGUYỄN NGỌC – Tổng giám đốc làm đại diện.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng năm 2025 với nội dung như sau:

Điều 1: Sản phẩm, số lượng, giá bán và giá trị hàng hóa:

1.1 Sản phẩm:

- Hàng tháng Bên A bán cho Bên B các sản phẩm thép do bên A sản xuất.
- Các sản phẩm thép của Bên A được sản xuất theo tiêu chuẩn tương đương tiêu chuẩn Nhật (JIS), Mỹ (ASTM), Nga (GOST), Việt Nam (TCVN). Bên A cung cấp cho

Bên B các sản phẩm có chất lượng đúng với tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa đã công bố.

- Bên A cung cấp các thông số kỹ thuật, các chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận chất lượng các sản phẩm của Bên A khi Bên B yêu cầu.

1.2 Số lượng:

Số lượng và quy cách được xác định theo từng lần đặt hàng căn cứ theo Lệnh xuất hàng do bên B lập.

Lệnh xuất hàng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

1.3 Đơn giá và giá trị hàng bán:

- Đơn giá sẽ căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm và được thể hiện bằng văn bản được xác nhận bởi hai bên. Văn bản xác nhận giá là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.

Điều 2. Phương thức giao nhận

- Địa điểm giao nhận:

+ Đối với giao hàng bằng đường bộ: địa điểm giao nhận tại kho của bên A, trên phương tiện của bên B.

+ Đối với giao hàng bằng đường thủy: địa điểm giao nhận tại cảng ở các khu vực Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, và TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ trên phương tiện của bên B.

+ Các hình thức giao nhận khác sẽ được thỏa thuận giữa 2 bên bằng phụ lục hợp đồng.

- Bốc xếp: Phương tiện vận chuyển do bên B điều động, bốc hàng lên phương tiện do Bên A chịu.

- Phương thức giao nhận: Bên A xuất hàng theo chỉ định của Bên B, thể hiện bằng Lệnh xuất hàng của Bên B phát hành. Bên B cử người đại diện làm thủ tục nhận hàng tại nhà máy và kho của Bên A tại Cần Thơ. Sau khi hoàn tất thủ tục giao nhận, căn cứ theo chứng từ xác định khối lượng và văn bản thỏa thuận giá tại thời điểm giao hàng, Bên A xuất hóa đơn GTGT cho Bên B.

- Kể từ thời điểm hoàn tất giao nhận hàng, bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về số lượng hàng đã nhận của bên A.

Điều 3. Phương thức thanh toán.

- Bên A đồng ý bán sản phẩm cho bên B theo phương thức bán hàng tín chấp với hạn mức nợ là: 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

- Khi đến hạn thanh toán, Bên B thanh toán 100% giá trị của hóa đơn GTGT đã xuất bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của Bên A hoặc thanh toán bằng hình thức Biên bản bù trừ công nợ mua, bán giữa hai Bên (nếu có).

- Ngày đến hạn thanh toán của các hóa đơn xuất bán hàng theo Lệnh xuất hàng là ngày thứ 04 kể từ ngày xuất hóa đơn.

- Nếu ngày đến hạn thanh toán là các ngày thứ Bảy, Chủ nhật, các ngày Lễ theo quy định của Nhà nước thì ngày đến hạn là ngày làm việc kế tiếp.

- Quá thời hạn thanh toán, ngoài nợ gốc, bên B phải thanh toán cho bên A tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng 3%/năm, trong trường hợp bên B trả nợ trước hạn bên B được hưởng tiền lãi trả trước hạn tính trên phần tiền trả trước hạn theo lãi suất tính trả chậm và được bù trừ khi tính tiền lãi trả chậm.

Điều 4. Trách nhiệm của hai bên

4.1 Trách nhiệm của bên A:

- Cung cấp kịp thời các sản phẩm, đúng quy cách và chủng loại theo yêu cầu của Bên B trong khả năng của Bên A.

- Cung cấp kịp thời các thay đổi về giá bán sản phẩm cho Bên B.

- Đổi lại các sản phẩm bị hư hỏng trong quá trình bốc xếp do phía Bên A gây ra hay các sản phẩm không đúng tiêu chuẩn mà bên B yêu cầu trong thời gian ngắn nhất có thể.

4.2 Trách nhiệm của bên B:

- Nhanh chóng thỏa thuận giá cả mỗi khi bên A có đề nghị điều chỉnh giá.

- Thanh toán tiền mua hàng cho Bên A đúng hạn.

- Phối hợp cùng Bên A quảng cáo, giới thiệu các sản phẩm của Bên A.

- Hỗ trợ cho Bên A những thông tin trung thực của thị trường như: Tình hình tiêu thụ, giá cả biến động, lượng hàng tồn đọng, các yêu cầu về chất lượng ...

Điều 5. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

- Khi có phát sinh tranh chấp về việc thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết.

- Nếu các tranh chấp không tự giải quyết được bằng thương lượng hoặc bằng hòa giải thì hai bên thống nhất đưa ra xét xử ở tòa án có thẩm quyền tại TP. Hồ Chí Minh.

Điều 6. Thời gian hiệu lực của hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025.

Điều 7. Điều khoản chung

- Hai bên có trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh khó khăn hay trở ngại thì các bên có trách nhiệm thông báo cho nhau, trong vòng 07 ngày hai bên tổ chức cuộc họp để thảo luận và cùng hợp tác để giải quyết. Hợp đồng chỉ được sửa đổi khi hai bên cùng đồng ý và ký phụ lục hợp đồng để thực hiện.

- Các phụ lục hợp đồng là phần không tách rời của hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản đều có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MINH TÍNH

NGUYỄN NGUYỄN NGỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

DỰ THẢO

Số : 02 /HĐ 2025/VCS-TNB

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025 tại Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, đại diện hai bên là:

Bên A(Bên bán) : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

- Do ông : **NGÔ TIẾN THỌ** - Tổng Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (0251) 3836.148 - Fax: (0251)3836.505
- Tài khoản : 114.0000.32395-NH TMCP Công Thương CN1, Tp Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 3600961762

Bên B (Bên mua): CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH-CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ- VNSTEEL

- Do ông : **NGUYỄN MINH TÍNH** - Tổng Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II-Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Số giấy phép ĐKKD: **0305393838-001** đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04/01/2012.
- **Chủ TK : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ -VNSTEEL**
- Tài khoản : 111000106412- NH TMCP Công Thương VN-CN Nhơn Trạch.
- Hoặc TK số : 31010000793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN Tp.HCM.
- Điện thoại : (0251) 3569.672 - Fax: (0251)3569.673.
- Mã số thuế : 0305393838-001.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán phôi thép với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HOÁ - QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, XUẤT XỨ HÀNG HOÁ

Bên A đồng ý bán và giao hàng, Bên B đồng ý mua và nhận hàng phôi thép với quy cách và trọng lượng như sau:

1.1 Mô tả hàng hóa: Phôi thép 120 x 120 x 6.000 mm.

1.2 Số lượng: Theo từng đơn hàng có Phụ lục thống nhất theo từng tháng.

1.3 Thành phần hóa học:

Theo TCVN 1765:1975; TCVN 1651-1:2018; TCVN 1651-2:2018.

1.4 Yêu cầu kỹ thuật:

- Đơn trọng : 669(0,+4) Kg.
- Dung sai về kích cỡ : +/- 4 mm.
- Chênh lệch đường chéo : 12 mm max.
- Bề mặt không có vết nứt, gập nếp, hở, hai đầu không có lỗ thủng.
- Đánh dấu: Thanh phôi được sơn số mẻ màu trắng, đầu còn lại sơn màu xác nhận trên đơn hàng.
- Hàng rời hoặc đóng bó theo tiêu chuẩn của Công Ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.
- Xuất xứ: Công Ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL - KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ

2.1 Đơn giá được thể hiện cụ thể trên Báo giá và Phụ lục đính kèm theo từng đơn hàng.

ĐIỀU 3 : THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

3.1 **Thời gian giao hàng** : Thỏa thuận theo từng đơn hàng.

3.2 **Địa điểm giao hàng**: Trên phương tiện vận chuyển của Bên A tại kho Bên B (KCN Nhơn Trạch 2-Nhơn Phú, Xã Phú Hội - Huyện Nhơn Trạch - Tỉnh Đồng Nai).

3.3 **Cơ sở xác định trọng lượng**:

- Căn cứ số lượng xác định qua cân của Bên B, hai bên cùng tổng hợp, lập Biên bản giao nhận hàng hóa được đại diện có thẩm quyền ký xác nhận ngay sau khi Bên A hoàn tất việc giao hàng.
- Trong trường hợp nghi ngờ và/hoặc phát hiện hàng có tổn thất, trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản nhận hàng, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A để kịp thời dự kháng khiếu nại và có biện pháp xử lý.

ĐIỀU 4: LẬP HÓA ĐƠN & THANH TOÁN

4.1 **Lập hóa đơn**: Số lượng hàng hóa trên hóa đơn là số lượng trên Biên bản giao nhận đã được đại diện có thẩm quyền hai bên ký xác nhận.

4.2 **Phương thức thanh toán**: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ (nếu có).

4.3 **Thời hạn thanh toán**: Bên B sẽ thanh toán cho Bên A toàn bộ giá trị của lô hàng sau khi hoàn tất việc giao nhận và bên B nhận được đầy đủ các chứng từ sau:

- + Hóa đơn GTGT điện tử.
- + Biên bản giao nhận.
- + Bảng Thành phần hóa học của lô hàng.
- Thời gian từ 0-10 ngày: Lãi suất 0%
- Từ 11-60 ngày: Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN TP.HCM cộng 3%/năm.
- Từ ngày thứ 61-90: Lãi suất áp dụng bằng 150% so với lãi suất vay trên.

ĐIỀU 5: VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

5.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

5.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia.

Phạt vi phạm giao nhận Hàng hóa:

- a) Nếu đến thời hạn giao Hàng hóa, mà Bên A không giao và/ hoặc giao không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên A phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị số Hàng hóa không giao và/ hoặc giao không đủ. Đồng thời, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm. Tiền phạt, sẽ được trừ vào công nợ tại thời điểm thanh toán.
- b) Nếu đến thời điểm giao Hàng hóa, mà Bên B từ chối nhận hàng và/ hoặc nhận không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên B phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị Hàng hóa mà Bên B từ chối nhận. Đồng thời, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 6: GIÁM ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG

6.1 Số lượng, trọng lượng: Theo Biên bản giao nhận hàng hóa giữa hai bên.

Trường hợp Bên B nghi ngờ chất lượng phối thép Bên A giao cho Bên B không đạt chất lượng quy định tại Điều 1, Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký biên bản giao nhận hàng. Hai bên tiến hành thương lượng bằng hình thức đối hàng trên nguyên tắc hợp tác hữu hảo.

Trường hợp không thương lượng được, Bên A sẽ mời đơn vị giám định độc lập thực hiện giám định hàng hóa. Kết quả giám định là cơ sở giải quyết khiếu nại. Nếu kết quả giám định không phù hợp với quy định của hợp đồng, chi phí giám định do Bên A chịu; nếu kết quả giám định phù hợp với quy định của hợp đồng, chi phí giám định do Bên B chịu.

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

7.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Giao hàng cho Bên B đủ số lượng, đúng chất lượng và đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng này và (các) phụ lục (nếu có).
- Đảm bảo rằng hàng hóa được mua bán theo Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A và cam đoan rằng hàng hóa hiện không có nguy cơ là đối tượng bị tranh chấp.
- Phát hành đầy đủ và kịp thời hoá đơn GTGT điện tử và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa theo quy định của Hợp đồng này.
- Trong suốt quá trình giao hàng tại Nhà máy của Bên B, Bên A phải đảm bảo rằng mọi nhân sự của Bên A và/hoặc Bên thứ ba theo chỉ định của Bên A tham gia vào quá trình giao nhận hàng sẽ nghiêm chỉnh tuân thủ mọi nội quy và quy trình nội bộ của Bên B cũng như hướng dẫn của Bên B. Trường hợp nhân sự của Bên A và/hoặc Bên thứ ba theo chỉ định của Bên A vi phạm nội quy và quy trình nội bộ của Bên B mà gây tổn thất cho Bên B, thì Bên A cam kết sẽ chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất (nếu có) cho Bên B do hành vi vi phạm gây ra.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A kế hoạch nhận hàng trước 3 ngày làm việc. Khi Bên A thông báo giao hàng, Bên B có trách nhiệm bố trí kho bãi, nhân lực chuẩn bị tiếp nhận hàng.
- Phối hợp với Bên A để giao nhận hàng hóa, đảm bảo giải phóng phương tiện của Bên A kịp tiến độ. Nếu Bên B chậm dỡ hàng và/hoặc kéo dài thời gian dỡ hàng, Bên B phải chịu mọi chi phí đọng vốn, chi phí quản lý và chi phí vận tải, chi phí lưu xe phát sinh do việc chậm dỡ hàng gây ra.
- Thanh toán đúng thời hạn theo quy định tại Điều 4.3 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu bên nào có khó khăn, vướng mắc thì thông báo cho bên kia biết để cùng phối hợp giải quyết.
- Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng đều được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần tôn trọng và hợp tác, bình đẳng, đôi bên cùng có lợi. Nếu không giải quyết được sẽ chuyển đến Tòa Kinh tế thuộc Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Nai để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Án phí do bên thua kiện chịu.
- Mọi sửa đổi bổ sung trong thời gian hiệu lực của hợp đồng phải được sự nhất trí của hai bên và lập thành văn bản. Văn bản, phụ lục bổ sung (nếu có) là một phần không thể tách rời của hợp đồng.
- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025.
- Sau 30 ngày kể từ ngày các bên đã hoàn tất các nghĩa vụ của mình và không có tranh chấp xảy ra thì hợp đồng được mặc nhiên thanh lý.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

DƯ THẢO

Số : 01 /HĐ2025/TNB-VKC

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại Văn phòng CN Nhơn Trạch, Công ty CP Thép Nhà Bè-VNSTEEL, đại diện hai bên là:

Bên A (Bên mua): CN NHƠN TRẠCH-CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

- Do ông : **NGUYỄN MINH TÍNH** - Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II-Nhon Phú, Phú Hội, Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Số giấy phép ĐKKD: **0305393838-001** đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04/01/2012.
- **Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ -VNSTEEL**
- Tài khoản : 111 000 106412 – NHTMCP Công Thương VN – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.
- Hoạch TK số : 31010 000 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN Tp.HCM
- Điện thoại : 0251.356 9672 - Fax: 0251.356 9672
- Mã số thuế : **0305 393 838-001.**

BÊN A (BÊN BÁN) : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

- Do ông : **HOÀNG ĐỨC HOA** - Tổng Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : Km9 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, Tp. HCM.
- Điện thoại : (028) 38969613 - 37312466 - Fax: (028) 37310154
- Tài khoản : 115000005273 Ngân Hàng Công Thương CN1, Tp Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 0305409326

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán phôi thép năm 2025 với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA, QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, GIÁ CẢ, XUẤT XỨ

1.1 Hàng hóa:

- Hàng tháng, Bên B bán cho Bên A các sản phẩm phôi thép do Bên B sản xuất dựa theo nhu cầu của Bên A và khả năng cung cấp của bên B.
- Các sản phẩm phôi thép của bên B được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt nam (TCVN), tiêu chuẩn Nhật (JIS)
- Bên B cung cấp đầy đủ các thông số kỹ thuật, các chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận chất lượng các sản phẩm của Bên B khi bên A yêu cầu.
- Yêu cầu về kỹ thuật:
 - + Dung sai về chiều rộng: +/-2%
 - + Chênh lệch đường chéo: 12mm max

- + Độ xoắn: 2 độ/mét max
 - + Độ cong cho phép/camber: 10mm/m max
 - + Bề mặt không bị nứt, gập nếp, hai đầu phôi không có rỉ co, phôi không rỉ bên trong
 - + Đóng gói: Hàng rời theo tiêu chuẩn của nhà máy.
 - + Đánh dấu: Số lô, số mẻ sản xuất được ghi rõ ở đầu mỗi thanh phôi.
- Xuất xứ: Công ty CP Thép Thủ Đức-Vnsteel; địa chỉ: Km9 Xa lộ Hà nội, phường Trường Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM

1.2 Số lượng, quy cách:

Số lượng và quy cách sản phẩm phôi thép được xác định theo nhu cầu hàng tháng của bên A và khả năng cung cấp của Bên B. Cơ sở xác định trọng lượng: Là trọng lượng phôi thép thực tế theo cân điện tử tại nhà máy Bên mua. Các bên sẽ cử đại diện giám sát việc giao nhận hàng và cùng ký xác nhận bằng Biên bản giao nhận hàng.

1.3 Đơn giá:

Đơn giá sẽ căn cứ theo thỏa thuận giữa hai Bên tại từng thời điểm và được thể hiện bằng Đơn đặt hàng được ký xác nhận bởi hai Bên.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

1. Địa điểm giao hàng: Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty CP Thép Nhà Bè - KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

2. Phương thức giao hàng: Bên B giao hàng cho Bên A trên phương tiện vận tải của Bên B tại kho Bên A làm một/ nhiều đợt. Bên B có trách nhiệm thông báo thời gian và lượng hàng giao để Bên A bố trí người và phương tiện nhận hàng.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Bên B đồng ý bán sản phẩm phôi thép cho bên A theo phương thức bán hàng tín chấp với hạn mức nợ không quá 45.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng)

3.2 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

3.3 Thời hạn thanh toán:

- Giá trị hàng hóa được thanh toán theo từng đợt giao hàng dựa trên khối lượng hàng hóa giao nhận thực tế tại kho của Bên mua với thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành việc giao hàng và xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.
- Nếu ngày đến hạn thanh toán là các ngày thứ bảy, Chủ nhật, các ngày lễ theo quy định của Nhà nước thì ngày đến hạn là ngày làm việc kế tiếp.
- Quá thời hạn thanh toán, ngoài nợ gốc, Bên A phải thanh toán cho Bên B tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Hồ Chí Minh cộng 3,0%/ năm. Thời gian chậm trả không quá 30 ngày. Nếu quá thời hạn trả chậm nợ quá hạn, Bên A vẫn chưa thanh toán cho Bên B, thì Bên A phải chịu lãi suất phạt bằng 150% lãi suất nợ quá hạn cho số tiền quá hạn.

3.4 Chứng từ thanh toán:

- Biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của đại diện cán bộ giao nhận hai bên.
- Hóa đơn tài chính do Bên B cấp.
- Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của lô hàng.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên B:

- Cung cấp kịp thời các thông tin về khả năng, giá bán từng thời điểm khi nhận được yêu cầu của bên A.
- Giao hàng cho bên A đủ số lượng, đúng chất lượng và đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng / Phụ lục hợp đồng.
- Đảm bảo rằng hàng hóa mua bán theo Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên B và cam đoan rằng hàng hóa hiện không có nguy cơ tranh chấp.
- Phát hành đầy đủ và kịp thời Hóa đơn GTGT điện tử và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa theo quy định của Hợp đồng.
- Trong quá trình giao hàng tại nhà máy của Bên A, Bên B phải bảo đảm rằng mọi nhân sự của Bên B và/ hoặc bên thứ ba theo chỉ định của bên B phải nghiêm chỉnh tuân thủ nội quy và quy trình nội bộ cũng như hướng dẫn của bên A. Trường hợp vi phạm mà gây tổn thất cho Bên A, thì Bên B cam kết sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A.

4.2 Trách nhiệm của Bên A

- Thông báo cho Bên B kế hoạch nhận hàng trước hai ngày làm việc; chuẩn bị kho bãi, nhân lực để tiếp nhận hàng.
- Phối hợp với Bên B để giao nhận hàng, bảo đảm giải phóng phương tiện nhanh chóng đúng tiến độ. Nếu xuống hàng chậm và/ hoặc kéo dài thời gian xuống hàng, Bên A phải chịu mọi chi phí động vốn, lưu xe do chậm xuống hàng gây ra.
- Thanh toán đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5: VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG:

5.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng/Đơn đặt hàng hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

5.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia.

Phạt vi phạm giao nhận Hàng hóa:

- a) Nếu đến thời hạn giao Hàng hóa, mà Bên B không giao và/ hoặc giao không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên B phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị số Hàng hóa không giao và/ hoặc giao không đủ. Đồng thời, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc hủy Đơn đặt hàng/ Phụ lục không (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm. Tiền phạt, sẽ được trừ vào cùng nợ tại thời điểm thanh toán.
- b) Nếu đến thời điểm giao Hàng hóa, mà Bên A từ chối nhận hàng và/ hoặc nhận không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên A phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị Hàng hóa mà Bên A từ chối nhận. Đồng thời, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/

hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc cốc Đơn đặt hàng/ Phụ lục khỏ (nếu cú) mà khụng phải chịu trỏch nhiệm.

ĐIỀU 6: KHIẾU NẠI:

6.1 Bên B có trách nhiệm nhận lại hàng nếu hàng giao không đạt chất lượng như Điều 1 của Hợp đồng này. Trường hợp khiếu nại về chất lượng và số lượng: Bên A thông báo và gửi khiếu nại cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc giao nhận hàng tại kho Bên A.

6.2 Bên B phải giải quyết khiếu nại về chất lượng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại của Bên A. Việc giải quyết khiếu nại căn cứ vào kết quả kiểm tra của Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm và đo lường của TNB. Trường hợp Bên B muốn có chứng thư giám định của đơn vị độc lập, bên B có thể mời giám định SGS. Chi phí giám định và chi phí khiếu nại do bên có lỗi chịu.

6.3 Bên A có quyền dừng việc thanh toán cho Bên B nếu phát hiện hàng không đảm bảo chất lượng như cam kết của Điều 1 Hợp đồng này nhưng tổng số tiền dừng thanh toán không vượt quá 20% tổng trị giá hợp đồng.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG:

Trong trường hợp như hỏa hoạn, lụt lội, chiến tranh dẫn đến việc không thực hiện được toàn bộ hay một phần của Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng thì các bên sẽ được giải phóng trách nhiệm mà không bên nào có lỗi.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

8.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn phát sinh, hai bên sẽ kịp thời thông báo cho nhau và cùng nhau phối hợp giải quyết. Mọi tranh chấp phát sinh mà hai bên không tự thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết của toà án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên phải tuân thủ. Toàn bộ án phí do bên có lỗi chịu.

8.2 Mọi sửa đổi, bổ sung trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng phải được sự nhất trí của hai bên bằng phụ lục hợp đồng có chữ ký và dấu của hai bên. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

8.3 Hợp đồng được chấp nhận ký bằng bản qua gửi mail/ Zalo hoặc bản gốc và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

8.4 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực ngày 31/12/2025, sau khi hai bên thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ ghi trong bản hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

Số:-2025/HMC/PKD-TNB

Căn cứ Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Thương mại hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của Chi Nhánh Nhơn Trạch – Công Ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL và Công Ty Cổ Phần Kim Khí Thành Phố Hồ Chí Minh – VNSTEEL.

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2025 tại văn phòng Công Ty CP Kim Khí TP.HCM - Vnsteel, Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên bán): CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH- VNSTEEL

Địa chỉ : 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Số GCNĐKDN : 0300399360 đăng ký lần đầu ngày 27/12/2005, thay đổi lần thứ 15 ngày 11/06/2024
Điện thoại : 028-38 294 623 – 028 38 244 155 Fax: 028 38 290 403
Tài khoản số : 111000004541 tại Vietinbank – Chi nhánh TP.HCM
3100009857 tại BIDV- Chi nhánh TPHCM
007.100.090.5566 tại VCB – Chi nhánh TPHCM
Mã số thuế : 0300399360
Người đại diện : Ông **LÊ VĂN QUANG** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bên B (Bên mua): CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH-CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Việt Nam.
Số giấy phép ĐKKD: 0305393838-001 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 10/05/2023.
Điện thoại : 2513.569.672 Fax: 2513.569.673
Tài khoản : 111 000 106412 – NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.
Hoặc TK số : 3100793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN TP.HCM
Mã số thuế : 0305393838-001
Người đại diện : Ông **NGUYỄN MINH TÍNH** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán phôi thép với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1 Các định nghĩa:

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- Thời hạn Hợp đồng: Là khoảng thời gian mà các Bên có quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, bao gồm cả thời gian gia hạn Hợp đồng.
- Giá trị Hợp đồng: Là tổng giá trị Hàng hóa mà Bên B phải thanh toán đủ và đúng hạn cho Bên A cho những Hàng hóa mà Bên A đã cung cấp cho Bên B.

- c) Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng: Là văn bản sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng, theo đó quy định cụ thể về chủng loại Hàng hóa, giá Hàng hóa, thời gian, phương thức giao nhận Hàng hóa, khuyến mại và các vấn đề khác có liên quan đến việc mua bán Hàng hóa giữa hai Bên.
- d) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu/ bàn giao: Là văn bản được các Bên ký kết nhằm xác nhận số lượng Hàng hóa đã giao nhận, đã nghiệm thu theo thỏa thuận của Hợp đồng này và các Phụ lục.
- e) Bí mật kinh doanh và tài sản sở hữu trí tuệ: Là thông tin, tài liệu, ý tưởng, kinh doanh, hình ảnh v.v... thể hiện hoặc lưu trữ dưới dạng văn bản, file máy tính, thư điện tử, hình ảnh v.v... mà mỗi bên có được và sở hữu hợp pháp.
- f) Thông tin bảo mật: Là những thông tin thuộc bí mật kinh doanh và tài sản, sở hữu trí tuệ nêu tại Hợp đồng, Phụ lục mà các Bên biết hoặc tiếp cận được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
- g) Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật: Là người tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào việc thực hiện Hợp đồng của các Bên. Tuy vậy, các Bên thống nhất rằng thỏa thuận này còn được áp dụng cho tất cả nhân viên của các Bên không phải là “Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật” nhưng vì lý do nào đó có thể biết hoặc tiếp cận được “Thông tin bảo mật”.
- h) “Bên” nghĩa là Bên A hoặc Bên B, và “Các Bên” nghĩa là Bên A và Bên B.

1.2 Giải thích:

- a) Các từ “của Hợp đồng này”, “trong Hợp đồng này” và “theo Hợp đồng này” và các từ có nội dung tương tự, khi được sử dụng trong Hợp đồng này, sẽ đề cập đến toàn bộ Hợp đồng này và không đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Hợp đồng này.
- b) Nếu có mâu thuẫn giữa nội dung của một điều, khoản, điểm hoặc mục với tiêu đề thì các nội dung của điều, khoản, điểm hoặc mục đó sẽ được áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan. Tiêu đề chỉ để tiện tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản, điểm hoặc mục hoặc các đoạn áp dụng của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. THÔNG TIN HÀNG HÓA MUA BÁN

- 2.1 Hàng hóa mua bán: Bên A đồng ý bán cho Bên B các Hàng hóa là các loại **Phôi Thép** dựa theo nhu cầu của Bên B và khả năng cung cấp của Bên A. Thông tin chi tiết sẽ quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.
- 2.2 Khối lượng và Giá bán Hàng hóa: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm, nhưng không quá 5.000 tấn/tháng.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA

3.1 Địa điểm giao hàng:

Hàng được giao trên phương tiện vận chuyển của Bên A tại kho Nhà máy Bên B tại Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

3.2 Thời gian giao hàng: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

3.3 Căn cứ xác định khối lượng hàng hóa giao nhận làm cơ sở thanh toán:

Khối lượng Hàng hóa được xác định qua cân điện tử của Bên B và số thanh được đếm trực tiếp. Hai Bên lập Biên bản giao nhận Hàng hóa để xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”. Bên B có trách nhiệm cung cấp bảng tổng hợp phiếu cân Hàng hóa (qua cân điện tử Bên B) của từng xe hàng cho Bên A để hai Bên làm cơ sở xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”.

3.4 Thông báo giao nhận hàng hóa:

Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước về thông tin phương tiện vận chuyển, thành phần hoá học và thời gian dự kiến đến địa điểm giao hàng hóa để Bên B chuẩn bị tiếp nhận;

Bên A giao một lô/mẻ dao động từ 12 - 15 tấn.

3.5 Biên bản giao nhận Hàng hóa:

Ngay sau khi kết thúc việc giao nhận hàng hóa, các Bên sẽ tiến hành lập và ký kết Biên bản giao nhận hàng hóa (theo mẫu của Bên B) để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán, theo đó:

Đại diện bán hàng của Bên A và đại diện của Bên B sẽ trực tiếp ký kết Biên bản giao nhận ngay sau khi hoàn tất việc giao nhận hàng.

3.6 Quyền sở hữu hàng hóa: Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa là thời điểm các Bên hoàn thành nghĩa vụ giao/ nhận Hàng hóa (căn cứ theo Biên bản giao/ nhận hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các Bên).

ĐIỀU 4. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ HÀNG HÓA KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG

Trường hợp sau khi giao hàng, Bên B phát hiện lỗi của hàng hóa (lỗi do sản xuất và/ hoặc do Bên A vận chuyển), việc xử lý các khiếu nại về hàng hóa được thực hiện theo quy định sau:

4.1 Khiếu nại hàng hóa không đạt chất lượng của Bên B (nếu có) sẽ được lập thành văn bản hoặc email để gửi cho Bên A trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hoàn tất việc giao nhận Hàng hóa, ghi rõ và đầy đủ các thông tin về hàng hóa không đạt chất lượng (đính kèm kết quả kiểm định của Quatest 3).

4.2 Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại về chất lượng hàng hóa của Bên B, Bên A sẽ phản hồi việc tiếp nhận khiếu nại và tích cực tìm nguyên nhân, biện pháp xử lý hàng không đạt chất lượng cho Bên B.

4.3 Chi phí liên quan đến việc kiểm định hàng hóa không đạt chất lượng sẽ do Bên A chi trả (nếu có).

ĐIỀU 5. THANH TOÁN

Phương thức thanh toán:

5.1 Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VND) theo thông tin tài khoản Bên A như đã đề cập ở trên.

5.2 Thời hạn thanh toán: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

5.3 Hồ sơ làm căn cứ quyết toán:

- a) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu Hàng hóa có xác nhận đại diện của hai bên;
- b) Hóa đơn giá trị gia tăng;
- c) Giấy chứng nhận chất lượng Hàng hóa ;

- d) Bảng kê chi tiết giao nhận hàng hoá (Bên B cung cấp);
- e) Bên bản đối chiếu công nợ (nếu có);
- f) Biên bản phạt vi phạm/ bồi thường (nếu có);

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

6.1 Nghĩa vụ của Bên A:

- a) Giao Hàng hóa đúng theo các nội dung đã được các Bên xác nhận trên Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng
- b) Xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B theo đúng quy định.
- c) Chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng Hàng hóa cung cấp cho Bên B theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
- d) Người và phương tiện vận chuyển của Bên A khi đến giao Hàng hóa tại Nhà máy Bên B phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định AT-VSLĐ của Bên B. Trong trường hợp có sự bất đồng của các Bên, Bên B có quyền từ chối tiếp nhận phương tiện vào Nhà máy.
- e) Cung cấp đúng và đầy đủ các chứng từ pháp lý, chứng chỉ chất lượng của Hàng hóa theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất đi kèm các Hàng hóa được giao nhận cho Bên B khi có yêu cầu.

6.2 Quyền của Bên A:

- a) Tạm ngưng cung cấp Hàng hóa cho Bên B khi Bên B vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng hoặc Đơn đặt hàng.
- b) Từ chối tham gia giải quyết những vướng mắc khi Bên B không tuân thủ theo đúng các điều khoản được nêu trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

7.1 Nghĩa vụ của Bên B:

- a) Nhận Hàng hóa theo đúng thỏa thuận tại Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng.
- b) Bảo quản Hàng hoá sau khi nhận theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Bên A.
- c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.
- d) Liên hệ trực tiếp với Lãnh đạo cao nhất của Phòng kinh doanh hoặc Người được ủy quyền hợp pháp của Bên A nếu trong quá trình giao dịch gặp phải các khó khăn, vướng mắc.

7.2 Quyền của Bên B:

Được quyền từ chối nhận Hàng hóa khi Bên A giao Hàng hóa không đúng tiêu chuẩn, yêu cầu.

ĐIỀU 8. VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

8.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

8.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, ngoài nghĩa vụ bồi

thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia, còn bị phạt vi phạm Hợp đồng bằng tám phần trăm (08%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025.

Hợp đồng này chỉ chính thức hết hiệu lực khi hai Bên đã quyết toán xong toàn bộ hàng hóa và công nợ.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

10.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên, khiến một/ các Bên không thể thực hiện nghĩa vụ/ chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng như: động đất, bão lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

10.2 Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- b) Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng bảy (07) ngày sau khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng.

10.3 Nếu Bất khả kháng tiếp diễn trong thời kỳ liên tục vượt quá ba mươi (30) ngày, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại nào đối với nhau.

ĐIỀU 11. THÔNG BÁO VÀ LIÊN LẠC

11.1 Thông báo với Bên còn lại phải được thể hiện dưới dạng email/ văn bản và phải được chuyển: (i) trao tận tay, hoặc (ii) gửi đảm bảo qua các công ty vận chuyển thư tín, hoặc (iii) thư điện tử (email) đến địa chỉ của Bên đó theo Hợp đồng.

11.2 Địa chỉ nhận Thông báo các Bên là địa chỉ tại phần đầu của Hợp đồng hoặc địa chỉ khác do các Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia theo từng thời gian.

11.3 Các thông báo được coi là đã nhận vào ngày thông báo đó (i) được chuyển tận tay và có chữ ký xác nhận của bên nhận, hoặc (ii) được gửi bằng email.

11.4 Các Bên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại cùng với các tài liệu kèm theo trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi xảy ra mọi thay đổi làm ảnh hưởng đến việc thi hành các điều khoản của Hợp đồng này như: thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện, loại hình doanh nghiệp; văn phòng giao dịch, người phụ trách.

ĐIỀU 12. BẢO MẬT THÔNG TIN

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên cam kết thực hiện những nội dung sau:

- 12.1 Bảo mật thông tin của các Bên khi được Bên còn lại giao để triển khai Hợp đồng.
- 12.2 Không sử dụng, sao chép hay tạo mới các công việc hay Hàng hóa dựa trên các thông tin này vì mục đích khác ngoài phạm vi công việc theo Hợp đồng.

12.3 Không cung cấp Thông tin bảo mật cho bất kỳ ai hoặc Bên thứ ba khác biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên có quyền sở hữu với Thông tin bảo mật ngoại trừ việc cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

12.4 Cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của nhau trong quá trình thực hiện Hợp đồng liên quan theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

13.1 Các hoạt động liên quan đến việc mua bán Hàng hóa theo Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng và điều chỉnh theo Luật thương mại Việt Nam hiện hành.

13.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tỉnh Đồng Nai để giải quyết. Mọi phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà các Bên phải tuân thủ. Bên thua sẽ phải chịu mọi án phí, bao gồm cả chi phí Luật sư của bên thắng và khoản phạt/ bồi thường theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 14. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

14.1 Bất cứ sửa đổi/ bổ sung nào đối với Hợp Đồng này đều phải lập thành văn bản, được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký tên, đóng dấu mới có hiệu lực.

14.2 Các Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng phát sinh sau đó theo từng thời điểm là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Điều khoản nào trong Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng mâu thuẫn với các điều khoản trong Hợp đồng này thì các điều khoản tại Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng.

14.3 Không điều gì trong Hợp đồng này được hiểu là một Bên làm đại diện của Bên còn lại và không Bên nào có thẩm quyền ràng buộc Bên kia hoặc ký kết Hợp đồng dưới tên của Bên kia hoặc tạo ra trách nhiệm cho Bên kia bằng bất cứ cách thức nào.

14.4 Không có bất kỳ sự miễn trừ của một Bên nào về quyền lợi, chế tài theo Hợp đồng này có hiệu lực, trừ khi miễn trừ đó được lập thành văn bản và được các Bên ký kết. Việc một Bên chưa thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện một quyền hay áp dụng biện pháp chế tài theo Hợp đồng này sẽ không có nghĩa là Bên đó đã khước từ quyền của mình.

14.5 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của một Bên, Bên còn lại không được chuyển nhượng, chuyển giao hoặc thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ nào của Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.

14.6 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

Số: -2025/HĐNT/KKMT-TNB

Căn cứ Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Thương mại hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của Chi nhánh Nhơn Trạch – Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL và Công ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung

Hôm nay, ngày tháng năm 2025 tại văn phòng CN Nhơn Trạch – Công ty CP Thép Nhà Bè-Vnsteel, Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên bán): CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Địa chỉ : 69 Quang Trung, Phường Hải Châu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại : 02363.822.807. - Fax: 02363.823.306

Tài khoản : 0041.00000.1112 tại Ngân hàng Ngoại Thương- CN Đà Nẵng

Mã số thuế : 0400101605

Đại diện : Ông NGUYỄN ANH HOÀNG Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B (Bên mua): CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH-CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Việt Nam.

Số giấy phép ĐKKD: 0305393838-001 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 10/05/2023.

Điện thoại : 2513.569.672 Fax: 2513.569.673

Tên tài khoản : Công Ty Cổ Phần Thép Nhà Bè - Vnsteel

Tài khoản : 111 000 106412 – NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Hoặc TK số : 31 00 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN TP.HCM

Mã số thuế : 0305393838-001

Người đại diện : Ông NGUYỄN MINH TÍNH Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán phôi thép với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1 Các định nghĩa:

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a) Thời hạn Hợp đồng: Là khoảng thời gian mà các Bên có quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, bao gồm cả thời gian gia hạn Hợp đồng.
- b) Giá trị Hợp đồng: Là tổng giá trị Hàng hóa mà Bên B phải thanh toán đủ và đúng hạn cho Bên A cho những Hàng hóa mà Bên A đã cung cấp cho Bên B.

- c) Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng: Là văn bản sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng, theo đó quy định cụ thể về chủng loại Hàng hóa, giá Hàng hóa, thời gian, phương thức giao nhận Hàng hóa, khuyến mại và các vấn đề khác có liên quan đến việc mua bán Hàng hóa giữa hai Bên.
- d) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu/ bàn giao: Là văn bản được các Bên ký kết nhằm xác nhận số lượng Hàng hóa đã giao nhận, đã nghiệm thu theo thoả thuận của Hợp đồng này và các Phụ lục.
- e) Bí mật kinh doanh và tài sản sở hữu trí tuệ: Là thông tin, tài liệu, ý tưởng, kinh doanh, hình ảnh v.v... thể hiện hoặc lưu trữ dưới dạng văn bản, file máy tính, thư điện tử, hình ảnh v.v... mà mỗi bên có được và sở hữu hợp pháp.
- f) Thông tin bảo mật: Là những thông tin thuộc bí mật kinh doanh và tài sản, sở hữu trí tuệ nêu tại Hợp đồng, Phụ lục mà các Bên biết hoặc tiếp cận được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
- g) Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật: Là người tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào việc thực hiện Hợp đồng của các Bên. Tuy vậy, các Bên thống nhất rằng thỏa thuận này còn được áp dụng cho tất cả nhân viên của các Bên không phải là “Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật” nhưng vì lý do nào đó có thể biết hoặc tiếp cận được “Thông tin bảo mật”.
- h) “Bên” nghĩa là Bên A hoặc Bên B, và “Các Bên” nghĩa là Bên A và Bên B.

1.2 Giải thích:

- a) Các từ “của Hợp đồng này”, “trong Hợp đồng này” và “theo Hợp đồng này” và các từ có nội dung tương tự, khi được sử dụng trong Hợp đồng này, sẽ đề cập đến toàn bộ Hợp đồng này và không đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Hợp đồng này.
- b) Nếu có mâu thuẫn giữa nội dung của một điều, khoản, điểm hoặc mục với tiêu đề thì các nội dung của điều, khoản, điểm hoặc mục đó sẽ được áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan. Tiêu đề chỉ để tiện tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản, điểm hoặc mục hoặc các đoạn áp dụng của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. THÔNG TIN HÀNG HÓA MUA BÁN

- 2.1 Hàng hóa mua bán: Bên A đồng ý bán cho Bên B các Hàng hóa là các loại **Phôi Thép** dựa theo nhu cầu của Bên B và khả năng cung cấp của Bên A. Thông tin chi tiết sẽ quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.
- 2.2 Khối lượng và Giá bán Hàng hóa: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm, nhưng không quá 5.000 tấn/tháng.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA

3.1 Địa điểm giao hàng:

Hàng được giao trên phương tiện vận chuyển của Bên A tại kho Nhà máy Bên B tại Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

3.2 Thời gian giao hàng: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

3.3 Căn cứ xác định khối lượng hàng hóa giao nhận làm cơ sở thanh toán:

Khối lượng Hàng hóa được xác định qua cân điện tử của Bên B và số thanh được đếm trực tiếp. Hai Bên lập Biên bản giao nhận Hàng hóa để xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”. Bên B có trách nhiệm cung cấp bảng tổng hợp phiếu cân Hàng hóa (qua cân điện tử Bên B) của từng xe hàng cho Bên A để hai Bên làm cơ sở xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”.

3.4 Thông báo giao nhận hàng hóa:

Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước về thông tin phương tiện vận chuyển, thành phần hoá học và thời gian dự kiến đến địa điểm giao hàng hóa để Bên B chuẩn bị tiếp nhận;

Bên A giao một lô/mẻ dao động từ 12 - 15 tấn.

3.5 Biên bản giao nhận Hàng hóa:

Ngay sau khi kết thúc việc giao nhận hàng hóa, các Bên sẽ tiến hành lập và ký kết Biên bản giao nhận hàng hóa (theo mẫu của Bên B) để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán, theo đó:

Đại diện bán hàng của Bên A và đại diện của Bên B sẽ trực tiếp ký kết Biên bản giao nhận ngay sau khi hoàn tất việc giao nhận hàng.

3.6 Quyền sở hữu hàng hóa: Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa là thời điểm các Bên hoàn thành nghĩa vụ giao/ nhận Hàng hóa (căn cứ theo Biên bản giao/ nhận hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các Bên).

ĐIỀU 4. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ HÀNG HÓA KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG

Trường hợp sau khi giao hàng, Bên B phát hiện lỗi của hàng hóa (lỗi do sản xuất và/ hoặc do Bên A vận chuyển), việc xử lý các khiếu nại về hàng hóa được thực hiện theo quy định sau:

4.1 Khiếu nại hàng hóa không đạt chất lượng của Bên B (nếu có) sẽ được lập thành văn bản hoặc email để gửi cho Bên A trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hoàn tất việc giao nhận Hàng hóa, ghi rõ và đầy đủ các thông tin về hàng hóa không đạt chất lượng (đính kèm kết quả kiểm định của Quatest 3).

4.2 Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại về chất lượng hàng hóa của Bên B, Bên A sẽ phản hồi việc tiếp nhận khiếu nại và tích cực tìm nguyên nhân, biện pháp xử lý hàng không đạt chất lượng cho Bên B.

4.3 Chi phí liên quan đến việc kiểm định hàng hóa không đạt chất lượng sẽ do Bên A chi trả (nếu có).

ĐIỀU 5. THANH TOÁN

Phương thức thanh toán:

5.1 Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VND) theo thông tin tài khoản Bên A như đã đề cập ở trên.

5.2 Thời hạn thanh toán: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

5.3 Hồ sơ làm căn cứ quyết toán:

a) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu Hàng hóa có xác nhận đại diện của hai bên;

- b) Hóa đơn giá trị gia tăng;
- c) Giấy chứng nhận chất lượng Hàng hóa ;
- d) Bảng kê chi tiết giao nhận hàng hóa (Bên B cung cấp);
- e) Bản báo đối chiếu công nợ (nếu có);
- f) Biên bản phạt vi phạm/ bồi thường (nếu có);

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

6.1 Nghĩa vụ của Bên A:

- a) Giao Hàng hóa đúng theo các nội dung đã được các Bên xác nhận trên Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng
- b) Xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B theo đúng quy định.
- c) Chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng Hàng hóa cung cấp cho Bên B theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
- d) Người và phương tiện vận chuyển của Bên A khi đến giao Hàng hóa tại Nhà máy Bên B phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định AT-VSLĐ của Bên B. Trong trường hợp có sự bất đồng của các Bên, Bên B có quyền từ chối tiếp nhận phương tiện vào Nhà máy.
- e) Cung cấp đúng và đầy đủ các chứng từ pháp lý, chứng chỉ chất lượng của Hàng hóa theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất đi kèm các Hàng hóa được giao nhận cho Bên B khi có yêu cầu.

6.2 Quyền của Bên A:

- a) Tạm ngưng cung cấp Hàng hóa cho Bên B khi Bên B vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng hoặc Đơn đặt hàng.
- b) Từ chối tham gia giải quyết những vướng mắc khi Bên B không tuân thủ theo đúng các điều khoản được nêu trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

7.1 Nghĩa vụ của Bên B:

- a) Nhận Hàng hóa theo đúng thỏa thuận tại Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng.
- b) Bảo quản Hàng hóa sau khi nhận theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Bên A.
- c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.
- d) Liên hệ trực tiếp với Lãnh đạo cao nhất của Phòng kinh doanh hoặc Người được ủy quyền hợp pháp của Bên A nếu trong quá trình giao dịch gặp phải các khó khăn, vướng mắc.

7.2 Quyền của Bên B:

Được quyền từ chối nhận Hàng hóa khi Bên A giao Hàng hóa không đúng tiêu chuẩn, yêu cầu.

ĐIỀU 8. VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 8.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng

đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

- 8.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, ngoài nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia, còn bị phạt vi phạm Hợp đồng bằng tám phần trăm (08%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025.

Hợp đồng này chỉ chính thức hết hiệu lực khi hai Bên đã quyết toán xong toàn bộ hàng hóa và công nợ.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

10.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên, khiến một/ các Bên không thể thực hiện nghĩa vụ/ chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng như: động đất, bão lũ, lụt, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

10.2 Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- b) Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng bảy (07) ngày sau khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng.

10.3 Nếu Bất khả kháng tiếp diễn trong thời kỳ liên tục vượt quá ba mươi (30) ngày, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại nào đối với nhau.

ĐIỀU 11. THÔNG BÁO VÀ LIÊN LẠC

11.1 Thông báo với Bên còn lại phải được thể hiện dưới dạng email/ văn bản và phải được chuyển: (i) trao tận tay, hoặc (ii) gửi đảm bảo qua các công ty vận chuyển thư tín, hoặc (iii) thư điện tử (email) đến địa chỉ của Bên đó theo Hợp đồng.

11.2 Địa chỉ nhận Thông báo các Bên là địa chỉ tại phần đầu của Hợp đồng hoặc địa chỉ khác do các Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia theo từng thời gian.

11.3 Các thông báo được coi là đã nhận vào ngày thông báo đó (i) được chuyển tận tay và có chữ ký xác nhận của bên nhận, hoặc (ii) được gửi bằng email.

11.4 Các Bên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại cùng với các tài liệu kèm theo trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi xảy ra mọi thay đổi làm ảnh hưởng đến việc thi hành các điều khoản của Hợp đồng này như: thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện, loại hình doanh nghiệp; văn phòng giao dịch, người phụ trách.

ĐIỀU 12. BẢO MẬT THÔNG TIN

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên cam kết thực hiện những nội dung sau:

- 12.1 Bảo mật thông tin của các Bên khi được Bên còn lại giao để triển khai Hợp đồng.
- 12.2 Không sử dụng, sao chép hay tạo mới các công việc hay Hàng hóa dựa trên các thông tin này vì mục đích khác ngoài phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- 12.3 Không cung cấp Thông tin bảo mật cho bất kỳ ai hoặc Bên thứ ba khác biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên có quyền sở hữu với Thông tin bảo mật ngoại trừ việc cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 12.4 Cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của nhau trong quá trình thực hiện Hợp đồng liên quan theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 13.1 Các hoạt động liên quan đến việc mua bán Hàng hóa theo Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng và điều chỉnh theo Luật thương mại Việt Nam hiện hành.
- 13.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tỉnh Đồng Nai để giải quyết. Mọi phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà các Bên phải tuân thủ. Bên thua sẽ phải chịu mọi án phí, bao gồm cả chi phí Luật sư của bên thắng và khoản phạt/ bồi thường theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 14. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 14.1 Bất cứ sửa đổi/ bổ sung nào đối với Hợp Đồng này đều phải lập thành văn bản, được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký tên, đóng dấu mới có hiệu lực.
- 14.2 Các Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng phát sinh sau đó theo từng thời điểm là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Điều khoản nào trong Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng mâu thuẫn với các điều khoản trong Hợp đồng này thì các điều khoản tại Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 14.3 Không điều gì trong Hợp đồng này được hiểu là một Bên làm đại diện của Bên còn lại và không Bên nào có thẩm quyền ràng buộc Bên kia hoặc ký kết Hợp đồng dưới tên của Bên kia hoặc tạo ra trách nhiệm cho Bên kia bằng bất cứ cách thức nào.
- 14.4 Không có bất kỳ sự miễn trừ của một Bên nào về quyền lợi, chế tài theo Hợp đồng này có hiệu lực, trừ khi miễn trừ đó được lập thành văn bản và được các Bên ký kết. Việc một Bên chưa thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện một quyền hay áp dụng biện pháp chế tài theo Hợp đồng này sẽ không có nghĩa là Bên đó đã khước từ quyền của mình.
- 14.5 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của một Bên, Bên còn lại không được chuyển nhượng, chuyển giao hoặc thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ nào của Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.
- 14.6 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP
Số: 01-2025/HĐNT/VIN-TNB

Căn cứ Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Thương mại hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của Chi Nhánh Nhơn Trạch – Công Ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL và Công Ty Cổ Phần Kim Khí Thành Phố Hồ Chí Minh – VNSTEEL.

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại văn phòng CN Nhơn Trạch – Công ty CP Thép Nhà Bè-Vnsteel, Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên bán): CÔNG TY CP GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ : 406 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại : 028.39414919 Hotline: 0968603068
Tài khoản : 0071000005287 tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP.HCM
Mã số thuế : 0300648264
Đại diện : Ông HÀ MINH HUẤN Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bên B (Bên mua): CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH-CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Việt Nam.
Số giấy phép ĐKKD: 0305393838-001 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 10/05/2023.
Điện thoại : 2513.569.672 Fax: 2513.569.673
Tài khoản : 111 000 106412 – NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.
Hoặc TK số : 3100793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN TP.HCM
Mã số thuế : 0305393838-001
Người đại diện : Ông NGUYỄN MINH TÍNH Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán phôi thép với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1 Các định nghĩa:

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a) Thời hạn Hợp đồng: Là khoảng thời gian mà các Bên có quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, bao gồm cả thời gian gia hạn Hợp đồng.
- b) Giá trị Hợp đồng: Là tổng giá trị Hàng hóa mà Bên B phải thanh toán đủ và đúng hạn cho Bên A cho những Hàng hóa mà Bên A đã cung cấp cho Bên B.

- c) Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng: Là văn bản sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng, theo đó quy định cụ thể về chủng loại Hàng hóa, giá Hàng hóa, thời gian, phương thức giao nhận Hàng hóa, khuyến mại và các vấn đề khác có liên quan đến việc mua bán Hàng hóa giữa hai Bên.
- d) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu/ bàn giao: Là văn bản được các Bên ký kết nhằm xác nhận số lượng Hàng hóa đã giao nhận, đã nghiệm thu theo thỏa thuận của Hợp đồng này và các Phụ lục.
- e) Bí mật kinh doanh và tài sản sở hữu trí tuệ: Là thông tin, tài liệu, ý tưởng, kinh doanh, hình ảnh v.v... thể hiện hoặc lưu trữ dưới dạng văn bản, file máy tính, thư điện tử, hình ảnh v.v... mà mỗi bên có được và sở hữu hợp pháp.
- f) Thông tin bảo mật: Là những thông tin thuộc bí mật kinh doanh và tài sản, sở hữu trí tuệ nêu tại Hợp đồng, Phụ lục mà các Bên biết hoặc tiếp cận được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
- g) Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật: Là người tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào việc thực hiện Hợp đồng của các Bên. Tuy vậy, các Bên thống nhất rằng thỏa thuận này còn được áp dụng cho tất cả nhân viên của các Bên không phải là “Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật” nhưng vì lý do nào đó có thể biết hoặc tiếp cận được “Thông tin bảo mật”.
- h) “Bên” nghĩa là Bên A hoặc Bên B, và “Các Bên” nghĩa là Bên A và Bên B.

1.2 Giải thích:

- a) Các từ “của Hợp đồng này”, “trong Hợp đồng này” và “theo Hợp đồng này” và các từ có nội dung tương tự, khi được sử dụng trong Hợp đồng này, sẽ đề cập đến toàn bộ Hợp đồng này và không đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Hợp đồng này.
- b) Nếu có mâu thuẫn giữa nội dung của một điều, khoản, điểm hoặc mục với tiêu đề thì các nội dung của điều, khoản, điểm hoặc mục đó sẽ được áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan. Tiêu đề chỉ để tiện tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản, điểm hoặc mục hoặc các đoạn áp dụng của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. THÔNG TIN HÀNG HÓA MUA BÁN

- 2.1 Hàng hóa mua bán: Bên A đồng ý bán cho Bên B các Hàng hóa là các loại **Phôi Thép** dựa theo nhu cầu của Bên B và khả năng cung cấp của Bên A. Thông tin chi tiết sẽ quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.
- 2.2 Khối lượng và Giá bán Hàng hóa: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm, nhưng không quá 5.000 tấn/tháng.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA

3.1 Địa điểm giao hàng:

Hàng được giao trên phương tiện vận chuyển của Bên A tại kho Nhà máy Bên B tại Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

3.2 Thời gian giao hàng: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

3.3 Căn cứ xác định khối lượng hàng hóa giao nhận làm cơ sở thanh toán:

Khối lượng Hàng hóa được xác định qua cân điện tử của Bên B và số thanh được đếm trực tiếp. Hai Bên lập Biên bản giao nhận Hàng hóa để xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”. Bên B có trách nhiệm cung cấp bảng tổng hợp phiếu cân Hàng hóa (qua cân điện tử Bên B) của từng xe hàng cho Bên A để hai Bên làm cơ sở xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”.

3.4 Thông báo giao nhận hàng hóa:

Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước về thông tin phương tiện vận chuyển, thành phần hoá học và thời gian dự kiến đến địa điểm giao hàng hóa để Bên B chuẩn bị tiếp nhận;

Bên A giao một lô/mẻ dao động từ 12 - 15 tấn.

3.5 Biên bản giao nhận Hàng hóa:

Ngay sau khi kết thúc việc giao nhận hàng hóa, các Bên sẽ tiến hành lập và ký kết Biên bản giao nhận hàng hóa (theo mẫu của Bên B) để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán, theo đó:

Đại diện bán hàng của Bên A và đại diện của Bên B sẽ trực tiếp ký kết Biên bản giao nhận ngay sau khi hoàn tất việc giao nhận hàng.

3.6 Quyền sở hữu hàng hóa: Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa là thời điểm các Bên hoàn thành nghĩa vụ giao/ nhận Hàng hóa (căn cứ theo Biên bản giao/ nhận hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các Bên).

ĐIỀU 4. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ HÀNG HÓA KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG

Trường hợp sau khi giao hàng, Bên B phát hiện lỗi của hàng hóa (lỗi do sản xuất và/ hoặc do Bên A vận chuyển), việc xử lý các khiếu nại về hàng hóa được thực hiện theo quy định sau:

4.1 Khiếu nại hàng hóa không đạt chất lượng của Bên B (nếu có) sẽ được lập thành văn bản hoặc email để gửi cho Bên A trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hoàn tất việc giao nhận Hàng hóa, ghi rõ và đầy đủ các thông tin về hàng hóa không đạt chất lượng (đính kèm kết quả kiểm định của Quatest 3).

4.2 Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại về chất lượng hàng hóa của Bên B, Bên A sẽ phản hồi việc tiếp nhận khiếu nại và tích cực tìm nguyên nhân, biện pháp xử lý hàng không đạt chất lượng cho Bên B.

4.3 Chi phí liên quan đến việc kiểm định hàng hóa không đạt chất lượng sẽ do Bên A chi trả (nếu có).

ĐIỀU 5. THANH TOÁN

Phương thức thanh toán:

5.1 Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VND) theo thông tin tài khoản Bên A như đã đề cập ở trên.

5.2 Thời hạn thanh toán: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

5.3 Hồ sơ làm căn cứ quyết toán:

a) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu Hàng hóa có xác nhận đại diện của hai bên;

- b) Hóa đơn giá trị gia tăng;
- c) Giấy chứng nhận chất lượng Hàng hóa ;
- d) Bảng kê chi tiết giao nhận hàng hoá (Bên B cung cấp);
- e) Bên bản đối chiếu công nợ (nếu có);
- f) Biên bản phạt vi phạm/ bồi thường (nếu có);

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

6.1 Nghĩa vụ của Bên A:

- a) Giao Hàng hóa đúng theo các nội dung đã được các Bên xác nhận trên Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng
- b) Xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B theo đúng quy định.
- c) Chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng Hàng hóa cung cấp cho Bên B theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
- d) Người và phương tiện vận chuyển của Bên A khi đến giao Hàng hóa tại Nhà máy Bên B phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định AT-VSLĐ của Bên B. Trong trường hợp có sự bất đồng của các Bên, Bên B có quyền từ chối tiếp nhận phương tiện vào Nhà máy.
- e) Cung cấp đúng và đầy đủ các chứng từ pháp lý, chứng chỉ chất lượng của Hàng hóa theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất đi kèm các Hàng hóa được giao nhận cho Bên B khi có yêu cầu.

6.2 Quyền của Bên A:

- a) Tạm ngưng cung cấp Hàng hóa cho Bên B khi Bên B vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng hoặc Đơn đặt hàng.
- b) Từ chối tham gia giải quyết những vướng mắc khi Bên B không tuân thủ theo đúng các điều khoản được nêu trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

7.1 Nghĩa vụ của Bên B:

- a) Nhận Hàng hóa theo đúng thỏa thuận tại Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng.
- b) Bảo quản Hàng hoá sau khi nhận theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Bên A.
- c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.
- d) Liên hệ trực tiếp với Lãnh đạo cao nhất của Phòng kinh doanh hoặc Người được ủy quyền hợp pháp của Bên A nếu trong quá trình giao dịch gặp phải các khó khăn, vướng mắc.

7.2 Quyền của Bên B:

Được quyền từ chối nhận Hàng hóa khi Bên A giao Hàng hóa không đúng tiêu chuẩn, yêu cầu.

ĐIỀU 8. VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 8.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng

đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

- 8.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, ngoài nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia, còn bị phạt vi phạm Hợp đồng bằng tám phần trăm (08%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025.

Hợp đồng này chỉ chính thức hết hiệu lực khi hai Bên đã quyết toán xong toàn bộ hàng hóa và công nợ.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên, khiến một/ các Bên không thể thực hiện nghĩa vụ/ chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng như: động đất, bão lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 10.2 Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
 - Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng bảy (07) ngày sau khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng.
- 10.3 Nếu Bất khả kháng tiếp diễn trong thời kỳ liên tục vượt quá ba mươi (30) ngày, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại nào đối với nhau.

ĐIỀU 11. THÔNG BÁO VÀ LIÊN LẠC

- 11.1 Thông báo với Bên còn lại phải được thể hiện dưới dạng email/ văn bản và phải được chuyển: (i) trao tận tay, hoặc (ii) gửi đảm bảo qua các công ty vận chuyển thư tín, hoặc (iii) thư điện tử (email) đến địa chỉ của Bên đó theo Hợp đồng.
- 11.2 Địa chỉ nhận Thông báo các Bên là địa chỉ tại phần đầu của Hợp đồng hoặc địa chỉ khác do các Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia theo từng thời gian.
- 11.3 Các thông báo được coi là đã nhận vào ngày thông báo đó (i) được chuyển tận tay và có chữ ký xác nhận của bên nhận, hoặc (ii) được gửi bằng email.
- 11.4 Các Bên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại cùng với các tài liệu kèm theo trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi xảy ra mọi thay đổi làm ảnh hưởng đến việc thi hành các điều khoản của Hợp đồng này như: thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện, loại hình doanh nghiệp; văn phòng giao dịch, người phụ trách.

ĐIỀU 12. BẢO MẬT THÔNG TIN

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên cam kết thực hiện những nội dung sau:

- 12.1 Bảo mật thông tin của các Bên khi được Bên còn lại giao để triển khai Hợp đồng.
- 12.2 Không sử dụng, sao chép hay tạo mới các công việc hay Hàng hóa dựa trên các thông tin này vì mục đích khác ngoài phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- 12.3 Không cung cấp Thông tin bảo mật cho bất kỳ ai hoặc Bên thứ ba khác biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên có quyền sở hữu với Thông tin bảo mật ngoại trừ việc cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 12.4 Cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của nhau trong quá trình thực hiện Hợp đồng liên quan theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 13.1 Các hoạt động liên quan đến việc mua bán Hàng hóa theo Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng và điều chỉnh theo Luật thương mại Việt Nam hiện hành.
- 13.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tỉnh Đồng Nai để giải quyết. Mọi phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà các Bên phải tuân thủ. Bên thua sẽ phải chịu mọi án phí, bao gồm cả chi phí Luật sư của bên thắng và khoản phạt/ bồi thường theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 14. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 14.1 Bất cứ sửa đổi/ bổ sung nào đối với Hợp Đồng này đều phải lập thành văn bản, được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký tên, đóng dấu mới có hiệu lực.
- 14.2 Các Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng phát sinh sau đó theo từng thời điểm là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Điều khoản nào trong Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng mâu thuẫn với các điều khoản trong Hợp đồng này thì các điều khoản tại Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 14.3 Không điều gì trong Hợp đồng này được hiểu là một Bên làm đại diện của Bên còn lại và không Bên nào có thẩm quyền ràng buộc Bên kia hoặc ký kết Hợp đồng dưới tên của Bên kia hoặc tạo ra trách nhiệm cho Bên kia bằng bất cứ cách thức nào.
- 14.4 Không có bất kỳ sự miễn trừ của một Bên nào về quyền lợi, chế tài theo Hợp đồng này có hiệu lực, trừ khi miễn trừ đó được lập thành văn bản và được các Bên ký kết. Việc một Bên chưa thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện một quyền hay áp dụng biện pháp chế tài theo Hợp đồng này sẽ không có nghĩa là Bên đó đã khước từ quyền của mình.
- 14.5 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của một Bên, Bên còn lại không được chuyển nhượng, chuyển giao hoặc thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ nào của Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.
- 14.6 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B